

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 34/2021/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Lắk, ngày 05 tháng 11 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất  
chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 75/TTr-STTTT ngày 20/8/2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (*Có Định mức kèm theo*).

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xây dựng định mức chi phí, đơn giá sản xuất các chương trình phát thanh đảm bảo đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải trên Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh.

b) Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động phát thanh (sau đây gọi tắt là cơ quan báo nói) sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh.

c) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất các chương trình phát thanh áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các chương trình phát thanh chưa có trong định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo Quyết định này, hoặc trong quá trình triển khai thực hiện nếu xét thấy cần thiết điều chỉnh, bổ sung thì cơ quan báo nói của tỉnh và các cơ quan có liên quan chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**

## MỤC LỤC

### **Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Chương II. DANH MỤC MÃ HIỆU ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH**

- 13.01.00.00.00 Bản tin thời sự
- 13.01.00.01.00 Bản tin thời sự trực tiếp
- 13.01.00.02.00 Bản tin thời sự ghi âm phát sau
- 13.02.00.00.00 Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- 13.03.00.00.00 Bản tin tiếng dân tộc
- 13.04.00.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp
- 13.04.00.01.00 Chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp
- 13.04.00.02.00 Chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau
- 13.05.00.00.00 Chương trình tiếng nước ngoài
- 13.05.01.01.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp
- 13.05.01.02.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau
- 13.05.02.00.00 Bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài
- 13.05.03.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp tiếng nước ngoài ghi âm phát sau
- 13.06.00.00.00 Bản tin thời tiết
- 13.07.00.00.00 Chương trình tư vấn
- 13.07.00.01.00 Chương trình tư vấn trực tiếp
- 07.00.02.00 Chương trình tư vấn phát sau
- 13.08.00.00.00 Chương trình tọa đàm
- 13.08.00.01.00 Chương trình tọa đàm trực tiếp
- 13.08.00.02.00 Chương trình tọa đàm ghi âm phát sau
- 13.09.00.00.00 Chương trình tạp chí
- 10.00.00.00 Chương trình điểm báo
- 10.00.01.00 Chương trình điểm báo trong nước trực tiếp
- 10.00.02.00 Chương trình điểm báo trong nước phát sau
- 13.11.00.00.00 Phóng sự
- 13.11.01.00.00 Phóng sự chính luận
- 13.11.02.00.00 Phóng sự chân dung

- 13.11.03.00.00 Phóng sự điều tra
- 13.12.00.00.00 Chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh
- 13.13.00.00.00 Chương trình giao lưu
- 13.13.00.01.00 Chương trình giao lưu trực tiếp
- 13.13.00.02.00 Chương trình giao lưu ghi âm phát sau
- 13.14.00.00.00 Chương trình bình luận
- 13.15.00.00.00 Chương trình xã luận
- 13.16.00.00.00 Tiểu phẩm
- 13.17.00.00.00 Game show
- 13.17.00.10.00 Game show phát trực tiếp
- 13.17.00.20.00 Game show phát sau
- 13.18.00.00.00 Biên tập kịch truyền thanh
- 13.19.00.00.00 Biên tập ca kịch
- 13.20.00.00.00 Thu tác phẩm mới
- 13.20.10.00.00 Thu truyện
- 13.20.20.00.00 Thu thơ, thu nhạc
- 13.21.00.00.00 Đọc truyện
- 13.22.00.00.00 Phát thanh văn học
- 13.23.00.00.00 Bình truyện
- 13.24.00.00.00 Trả lời thính giả ghi âm phát sau
- 13.24.10.00.00 Trả lời thính giả dạng điều tra
- 13.24.20.00.00 Trả lời thính giả dạng không điều tra
- 13.25.00.00.00 Chương trình phổ biến kiến thức
- 13.25.10.00.00 Chương trình dạy Tiếng Việt
- 13.25.20.00.00 Chương trình dạy tiếng nước ngoài
- 13.25.30.00.00 Chương trình dạy học hát
- 13.25.40.00.00 Chương trình dạy học chuyên ngành
- 13.26.00.00.00 Biên tập bộ nhạc hiệu, nhạc cắt chương trình
- 13.27.00.00.00 Show phát thanh
- 13.27.00.01.00 Show phát thanh trực tiếp
- 13.27.00.02.00 Show phát thanh phát sau

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Định mức kinh tế - kỹ thuật  
về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021  
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

---

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**I. Giải thích từ ngữ**

Trong định mức các từ ngữ này được hiểu như sau:

1. "Chương trình phát thanh" là tập hợp các tin, bài trên báo nói theo một chủ đề trong thời lượng nhất định, có dấu hiệu nhận biết mở đầu và kết thúc.

2. "Tư liệu khai thác" bao gồm:

Các chương trình phát thanh đã phát sóng được khai thác, sử dụng lại một phần trong sản xuất chương trình mới;

Các tư liệu âm thanh do đơn vị sản xuất hoặc của các đơn vị khác sản xuất được sử dụng cho việc sản xuất chương trình phát thanh mới.

3. "Khung bản tin thời sự" là danh mục tin, bài, phóng sự ngắn,... được phát trong chương trình thời sự.

4. "Bản tin thời sự" là chương trình phát thanh bao gồm những tin, bài trong nước và quốc tế; mang tính chất cập nhật những sự kiện đơn lẻ, mới diễn ra tại thời điểm đưa tin.

5. "Bản tin chuyên đề" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, bài mang tính chuyên sâu về một lĩnh vực như: văn hóa, kinh tế,...

6. "Bản tin thời sự tiếng nước ngoài" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, phóng sự đã có, được biên tập, biên dịch sang tiếng nước ngoài.

7. "Chương trình thời sự tổng hợp" là chương trình phát thanh đề cập nội dung, chủ đề về sự kiện, lĩnh vực xã hội quan tâm và có hình thức thể hiện đa dạng, phong phú.

8. "Bản tin thời tiết" là chương trình phát thanh về nội dung thời tiết.

9. "Bản tin tiếng dân tộc" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, phóng sự đã phát sóng bằng tiếng Việt (tiếng dân tộc Kinh) được biên dịch sang tiếng dân tộc thiểu số.

10. "Chương trình tư vấn" là chương trình phát thanh có nội dung tư vấn, giải đáp, trao đổi và hướng dẫn kiến thức về một chủ đề, lĩnh vực cho thính giả.

11. "Chương trình tọa đàm - giao lưu" là chương trình phát thanh thể hiện các nội dung trao đổi, thảo luận về vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong cuộc sống được xã hội quan tâm.

12. "Chương trình tạp chí" là chương trình phát thanh chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó trong đời sống xã hội.

13. "Phóng sự" là chương trình phát thanh chuyển tải thông tin, phân tích sâu, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề được đông đảo quần chúng quan tâm.

14. "Xã luận" là chương trình phát thanh thể hiện lập trường, quan điểm của cơ quan báo chí về một vấn đề quan trọng, mang tính thời sự của xã hội.

15. "Bình luận" là chương trình phát thanh thể hiện lập trường, quan điểm của người viết về một vấn đề đang được xã hội quan tâm.

16. "Tuồng thuật trực tiếp trên sóng phát thanh" là chương trình phát thanh được sản xuất và phát sóng trực tiếp khi sự kiện đang diễn ra.

17. "Trả lời thính giả" là chương trình phát thanh có nội dung giải đáp các câu hỏi của thính giả.

18. "Chương trình tiêu phẩm phát thanh" là chương trình phát thanh có nội dung ngắn về vấn đề thời sự có tính chất châm biếm, hài hước hoặc đả kích một sự việc có thực, cụ thể hoặc khái quát.

19. "Kịch truyền thanh" là chương trình phát thanh dùng diễn xuất của diễn viên để truyền tải nội dung tuyên truyền.

20. "Ca kịch" là chương trình phát thanh thể hiện bằng lời hát và nhạc truyền tải nội dung theo kịch bản.

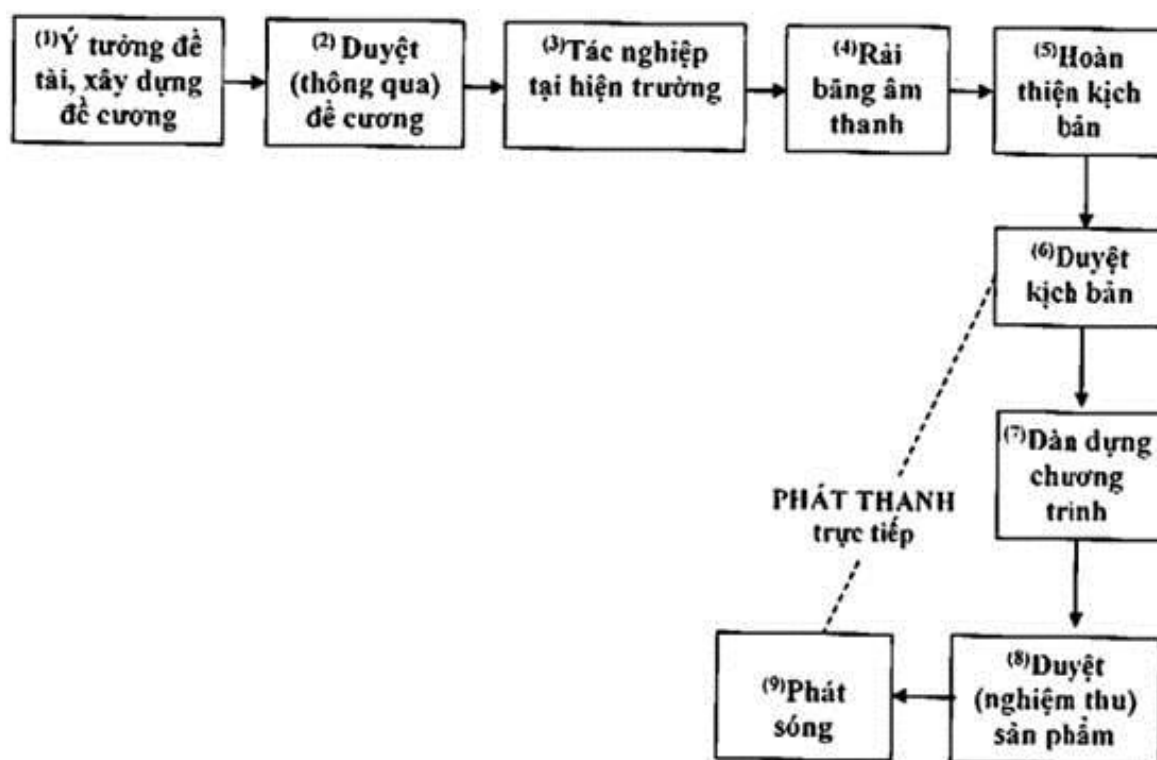
21. "Chương trình phổ biến kiến thức" là chương trình phát thanh cung cấp cho thính giả những kiến thức về một lĩnh vực nào đó, theo giáo án, bài giảng.

22. "Show phát thanh" là chương trình phát thanh tổng hợp có nội dung theo chủ đề nhất định, hình thức thể hiện linh hoạt và phong phú, trong đó có sử dụng nhiều thể loại phát thanh.

21. "Phóng sự linh kiện" là phóng sự ngắn dùng trong một số thể loại phát thanh (tạp chí, tọa đàm...) có mục đích dùng làm rõ thêm nội dung của vấn đề cần truyền tải tới thính giả.

## **II. Quy trình sản xuất chương trình phát thanh**

Định mức ban hành kèm theo Quyết định này được xây dựng trên cơ sở quy trình sản xuất chương trình phát thanh sau đây:



### Giải thích:

(1)(2): Trước khi đi tác nghiệp tại hiện trường các phóng viên phải thu thập thông tin, đề xuất ý tưởng đề tài (hoặc nhận ý tưởng từ chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan báo chí), có đề cương sơ bộ về nội dung triển khai và được cấp có thẩm quyền thông qua.

(3): Tác nghiệp tại hiện trường: Phóng viên xuống hiện trường thu thập thông tin liên quan đến nội dung tác phẩm cần thể hiện.

(4)(5)(6): Rải băng âm thanh: Nghe và viết lại nội dung ghi âm được trong quá trình tác nghiệp tại hiện trường, biên tập tác phẩm phát thanh bao gồm nội dung và âm thanh và đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(7): Dàn dựng chương trình: Cắt trích file tiếng động, thu thanh và dàn dựng chương trình theo kịch bản được duyệt.

(8)(9): Cấp thẩm quyền duyệt (nghiệm thu) sản phẩm và gửi lên hệ thống lưu trữ, chờ phát sóng chương trình.

### III. Nội dung định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm nội dung và mức hao phí trực tiếp để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định (được mô tả trong thành phần công việc) trong sản xuất chương trình phát thanh. Cụ thể:

**Hao phí vật liệu:** Là số lượng các loại vật liệu (giấy, mực in) cần thiết sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chương trình phát thanh.

**Hao phí nhân công:** Là thời gian lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân thực tế tham gia sản xuất chương trình phát thanh. Mức hao phí trong định mức được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 8h làm việc.

**Hao phí máy sử dụng:** Là thời gian các loại thiết bị sử dụng trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh. Máy, thiết bị để sản xuất chương trình phát thanh thể hiện trong bảng định mức là loại thiết bị phổ biến, tiên tiến mà các cơ quan báo nói đang sử dụng. Mức hao phí thiết bị tính trong định mức được tính bằng giờ sử dụng máy.

Các hao phí khác: Năng lượng, vật liệu khác,... được tính và phân bổ cho sản xuất các chương trình phát thanh khi lập đơn giá, dự toán.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh không bao gồm:

- a) Các hao phí truyền dẫn, phát sóng, đăng tải chương trình lên mạng Internet;
- b) Hao phí lao động của khối quản lý (bộ phận gián tiếp) của cơ quan báo nói;
- c) Hao phí lao động của diễn viên tham gia diễn xuất tiểu phẩm, ca kịch, kịch truyền thanh; hòa âm, phối khí của nhạc sỹ, nghệ sỹ,... Các hao phí này được áp dụng theo định mức chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

#### **IV. Kết cấu bảng định mức**

##### **1. Kết cấu bộ định mức**

Kết cấu bộ định mức bao gồm 2 phần:

- a) Phần 1: Hướng dẫn chung;
- b) Phần 2: Định mức sản xuất chương trình phát thanh.

##### **2. Kết cấu bảng định mức**

Mỗi bảng định mức sản xuất chương trình phát thanh được trình bày bao gồm: Mã hiệu, thành phần công việc, bảng định mức, ghi chú. Trong đó:

- a) Thành phần công việc: Là các nội dung công việc chính thực hiện sản xuất một chương trình phát thanh;
- b) Bảng định mức: Bao gồm các thành phần và mức hao phí về: Nhân công; máy sử dụng; vật liệu để sản xuất chương trình phát thanh.

#### **V. Áp dụng định mức**

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này là định mức tối đa áp dụng để quản lý sản xuất chương trình phát thanh do cơ quan báo chí thực hiện trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan báo chí căn cứ vào quy định về áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này để quy định chi tiết việc áp dụng định mức phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất chương trình phát thanh tại cơ quan mình.

3. Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (bao gồm: Đài Truyền thanh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể

thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa cấp huyện,...): Căn cứ điều kiện cụ thể về hoạt động sản xuất các chương trình phát thanh, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xem xét, ban hành định mức sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách địa phương để quản lý, đảm bảo yêu cầu sau:

a) Chức danh, cấp bậc lao động yêu cầu tham gia sản xuất chương trình phát thanh: Căn cứ vào Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này, điều chỉnh chức danh và cấp bậc lao động cho phù hợp với thực tế tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện;

b) Hao phí nhân công, hao phí máy sử dụng: Tổng mức hao phí về nhân công, tổng mức hao phí máy sử dụng sản xuất chương trình phát thanh không vượt quá 70% tổng mức hao phí nhân công, tổng mức hao phí máy sử dụng có cùng thể loại, thời lượng chương trình trong Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm không quá 3% (nhưng không quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng chương trình của định mức thì được áp dụng theo định mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền đã quy định.

Đối với các chương trình phát thanh có thời lượng sản xuất thực tế không có trong bảng định mức ban hành thì áp dụng công thức để nội suy ra mức hao phí theo thời lượng thực tế của chương trình có cùng thể loại, cụ thể:

a) Trường hợp định mức sản xuất chương trình đã ban hành có hai nấc thời lượng mà việc sản xuất chương trình thực tế có cùng thể loại nhưng có thời lượng khác với thời lượng và nằm trong khoảng giữa hai nấc thời lượng trong bảng định mức thì định mức hao phí theo thời lượng thực tế được tính bằng công thức nội suy:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Định mức các thành phần hao phí sản xuất chương trình phát thanh (nhân công, vật liệu, máy sử dụng) tương ứng với thời lượng B

B: Thời lượng chương trình cần xác định định mức (phút)

$b_1$ : Thời lượng tại cận dưới liền kề với thời lượng B (phút)

$b_2$ : Thời lượng tại cận trên liền kề với thời lượng B (phút)

$a_1$ : Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới thời lượng  $b_1$

$a_2$ : Định mức các thành phần hao phí tại thời lượng  $b_2$

b) Trường hợp định mức sản xuất thể loại chương trình đã ban hành chỉ có một thời lượng hoặc thời lượng của chương trình sản xuất ngoài khoảng thời lượng tối thiểu hoặc tối đa trong thể loại thì định mức hao phí theo thời lượng chương trình sản xuất thực tế được tính bằng công thức như sau:

$$A = (a_1 : b_1) \times B$$

A: Định mức hao phí sản xuất chương trình phát thanh (nhân công, vật liệu, máy sử dụng) cần xác định định mức theo thời lượng B

B: Thời lượng chương trình phát thanh cần xác định định mức (phút)

$a_1$ : Định mức hao phí sản xuất chương trình tại thời lượng  $b_1$

$b_1$ : Thời lượng chương trình tương ứng với định mức  $a_1$  đã quy định.

5. Trường hợp sản xuất các chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung chương trình phát thanh đã có (chia thành các trường hợp thời lượng kế thừa: đến 30%; trên 30% đến 50%; trên 50% đến 70%; trên 70%), đơn vị sản xuất căn cứ vào thực tế sản xuất để áp dụng định mức phù hợp, cụ thể:

a) Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung chương trình phát thanh đã có (tư liệu thuộc bản quyền của đơn vị) thì áp dụng định mức theo khung tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu trong chương trình đã được quy định trong định mức và không tính thêm chi phí về bản quyền thuộc sở hữu của đơn vị khi thanh quyết toán;

b) Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung đã có không thuộc bản quyền của đơn vị, cơ quan chủ quản phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện hành, áp dụng định mức theo khung tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu đã được quy định trong định mức. Đối với chi phí mua bản quyền (nếu có) được tính khi lập giá, đơn giá, dự toán sản xuất chương trình.

Cơ quan báo nói chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong áp dụng định mức tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung theo thực tế nghiệm thu sản xuất từng chương trình phát thanh tại cơ quan mình.

6. Số lượng tin, bài trong một số thể loại chương trình phát thanh đã ghi chú ở một số bảng mức là số lượng tin, bài bình quân phổ biến. Trường hợp số lượng tin, bài thực tế trong chương trình đã sản xuất khác với số lượng tin, bài bình quân phổ biến nhưng đảm bảo đủ yêu cầu về kết cấu theo từng thể loại và thời lượng của chương trình thì được áp dụng định mức đã quy định trong bảng mức.

7. Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh được biên tập toàn bộ từ các tác phẩm thơ, ca nhạc đã thu thanh thì mỗi bài thơ, ca nhạc biên tập thể hiện trong chương trình được tính định mức hao phí bằng tỷ lệ % định mức của chương trình thu tác phẩm mới thời lượng 5 phút (thu thơ, thu nhạc, mã hiệu: 13.20.20.00.00). Tỷ lệ % cụ thể do cơ quan báo nói quyết định phù hợp với từng chương trình nhưng không vượt quá 17% tổng định mức các hao phí thành phần (nhân công, máy sử dụng) của chương trình thu thơ, thu nhạc.

Định mức hao phí của chương trình biên tập toàn bộ từ các tác phẩm thơ, ca nhạc đã thu thanh bằng (=) số lượng tác phẩm (thơ, ca nhạc) biên tập trong chương trình nhân (x) tỷ lệ % định mức thu thơ, thu nhạc.

8. Định mức sản xuất chương trình phát thanh là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đơn giá, giá, dự toán kinh phí sản xuất

chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Trong đó:

a) Xác định các chức danh lao động:

- Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức, được áp dụng theo Quyết định liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông và Quyết định số 46/2017-TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ TTTT quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Quyết định liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07 tháng 4 năm 2016 và Quyết định số 46/2017-TT-BTTTT ngày 29/12/2017 thì áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

b) Định mức này quy định các hao phí trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh. Khi lập dự toán sản xuất chương trình phát thanh, ngoài việc xác định các chi phí trực tiếp trên cơ sở định mức được tính bổ sung các chi phí sau:

- Chi phí di chuyển của lao động trực tiếp sản xuất đến nơi tác nghiệp ở ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình phát thanh đóng trụ sở (nếu có);

- Chi phí chuyên gia (nếu có);

- Chi phí quản lý chung cho sản xuất các chương trình phát thanh;

- Chi phí biểu diễn nghệ thuật thể hiện trong chương trình phát thanh (nếu có);

- Chi phí mua tài liệu, bản quyền (nếu có).

## **Chương II**

### **ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH**

#### **13.01.00.00.00 Bản tin thời sự**

#### **13.01.00.01.00 Bản tin thời sự trực tiếp**

#### **1. BẢN TIN THỜI SỰ TRỰC TIẾP THỜI LƯỢNG 5 PHÚT**

##### **a) Thành phần công việc**

##### **- Sản xuất tin trong nước:**

- + Đề xuất chủ đề
- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin

##### **+ Thu dẫn và dựng tin tiếng động**

##### **+ Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ**

##### **- Biên tập tin quốc tế:**

- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
- + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
- + Duyệt lời dẫn, nội dung

##### **- Tổ chức sản xuất bản tin:**

##### **+ Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin**

##### **+ Lập khung bản tin thời sự**

##### **+ Duyệt khung bản tin**

##### **+ Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện**

##### **+ Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)**

##### **+ Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)**

##### **+ Duyệt kịch bản bản tin**

##### **+ Dựng âm thanh tiếng động theo kịch bản được duyệt**

##### **+ Thu thanh và phát trực tiếp bản tin.**

##### **+ Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)**

##### **b) Định mức sản xuất bản tin thời sự trực tiếp**

## b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                           |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|----------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                              |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.01.00.01.01 | <b><u>Nhân công</u>(Chức danh - cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                      | 4/9  | Công   | 0,21                                                                    | 0,17                                                                      | 0,13             | 0,08             | 0,03     |
|                | Biên tập viên hạng III                       | 6/9  | Công   | 0,14                                                                    | 0,12                                                                      | 0,09             | 0,07             | 0,05     |
|                | Biên tập viên hạng III                       | 8/9  | Công   | 0,04                                                                    | 0,04                                                                      | 0,03             | 0,02             | 0,02     |
|                | Biên tập viên hạng III                       | 3/9  | Công   | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      | 0,05             | 0,05             | 0,05     |
|                | Đạo diễn                                     | 6/9  | Công   | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      | 0,05             | 0,05             | 0,05     |
|                | Kỹ thuật viên                                | 6/12 | Công   | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             | 0,01             | 0,02     |
|                | Kỹ thuật viên                                | 9/12 | Công   | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      | 0,05             | 0,05             | 0,05     |
|                | Phát thanh viên hạng III                     | 5/10 | Công   | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,004            | 0,003            | 0,001    |
|                | Phát thanh viên hạng II                      | 1/8  | Công   | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      | 0,06             | 0,06             | 0,06     |
|                | Phóng viên hạng III                          | 3/9  | Công   | 1,57                                                                    | 1,26                                                                      | 0,94             | 0,63             | 0,24     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                    |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |

|  |                                |    |     |      |      |      |      |      |
|--|--------------------------------|----|-----|------|------|------|------|------|
|  | Hệ thống dựng                  |    | Giờ | 0,45 | 0,36 | 0,27 | 0,18 | 0,07 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |    | Giờ | 0,27 | 0,25 | 0,23 | 0,21 | 0,18 |
|  | Hệ thống phòng truyền âm       |    | Giờ | 0,42 | 0,42 | 0,42 | 0,42 | 0,42 |
|  | Máy ghi âm                     |    | Giờ | 9,67 | 7,73 | 5,80 | 3,87 | 1,45 |
|  | Máy in                         |    | Giờ | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,01 | 0,01 |
|  | Máy tính                       |    | Giờ | 4,55 | 3,73 | 2,92 | 2,10 | 1,08 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |      |      |      |      |      |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |

| Ghi chú: Số lượng tin |         |
|-----------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng  | 05 phút |
| Tin trong nước        | 4       |
| Tin quốc tế           | 3       |

## 2. BẢN TIN THỜI SỰ TRỰC TIẾP THỜI LƯỢNG 10 PHÚT, 15 PHÚT

### a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:

- + Đề xuất chủ đề
- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự trong nước:

- + Đề xuất ý tưởng
- + Duyệt ý tưởng
- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề

- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Biên tập tin quốc tế:
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
  - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Tổ chức sản xuất bản tin:
  - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
  - + Lập khung bản tin thời sự
  - + Duyệt khung bản tin
  - + Nhận tin bài và đôn đốc các đơn vị thực hiện
  - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin
  - + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Dựng âm thanh tiếng động theo kịch bản được duyệt
  - + Thu thanh và phát trực tiếp bản tin
  - + Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)
- b) Định mức sản xuất bản tin thời sự trực tiếp
- b1) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu | Thành phần hao phí | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|---------|--------------------|--------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|         |                    |        |                                       | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |

|                |                                                       |      |                                            |       |       |       |      |       |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------|-------|-------|-------|------|-------|
|                |                                                       |      | không<br>có thời<br>lượng khai<br>thác lại |       |       |       |      |       |
| 13.01.00.01.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |                                            |       |       |       |      |       |
|                | Biên dịch<br>viên hạng<br>III                         | 4/9  | Công                                       | 0,28  | 0,23  | 0,17  | 0,11 | 0,04  |
|                | Biên tập<br>viên hạng<br>III                          | 6/9  | Công                                       | 0,24  | 0,20  | 0,16  | 0,12 | 0,08  |
|                | Biên tập<br>viên hạng<br>III                          | 8/9  | Công                                       | 0,06  | 0,06  | 0,04  | 0,03 | 0,02  |
|                | Biên tập<br>viên hạng<br>III                          | 3/9  | Công                                       | 0,06  | 0,06  | 0,06  | 0,06 | 0,06  |
|                | Đạo diễn                                              | 6/9  | Công                                       | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07 | 0,07  |
|                | Kỹ thuật<br>viên                                      | 6/12 | Công                                       | 0,07  | 0,06  | 0,04  | 0,03 | 0,01  |
|                | Kỹ thuật<br>viên                                      | 9/12 | Công                                       | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07 | 0,07  |
|                | Phát thanh<br>viên hạng<br>III                        | 5/10 | Công                                       | 0,02  | 0,01  | 0,01  | 0,01 | 0,003 |
|                | Phát thanh<br>viên hạng<br>II                         | 1/8  | Công                                       | 0,10  | 0,10  | 0,10  | 0,10 | 0,10  |
|                | Phóng viên<br>hạng III                                | 3/9  | Công                                       | 3,25  | 2,60  | 1,95  | 1,30 | 0,49  |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |                                            |       |       |       |      |       |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ                                        | 1,45  | 1,19  | 0,94  | 0,68 | 0,36  |
|                | Hệ thống phòng<br>thu dựng                            |      | Giờ                                        | 0,55  | 0,44  | 0,33  | 0,22 | 0,08  |
|                | Hệ thống phòng<br>truyền âm                           |      | Giờ                                        | 0,58  | 0,58  | 0,58  | 0,58 | 0,58  |
|                | Máy ghi âm                                            |      | Giờ                                        | 18,08 | 14,47 | 10,85 | 7,23 | 2,71  |
|                | Máy in                                                |      | Giờ                                        | 0,04  | 0,04  | 0,03  | 0,03 | 0,03  |

|  |                                |     |      |      |      |      |      |
|--|--------------------------------|-----|------|------|------|------|------|
|  | Máy tính                       | Giờ | 8,06 | 6,56 | 5,05 | 3,54 | 1,66 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |     |      |      |      |      |      |
|  | Giấy                           | A4  | Ram  | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
|  | Mực in                         |     | Hộp  | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 |

| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
|---------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng            | 10 phút |
| Tin trong nước                  | 5       |
| Phóng sự ngắn trong nước        | 1       |
| Tin quốc tế                     | 4       |

## b2) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.01.00.01.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch hạng III                                    | 4/9  | Công   | 0,28                                                                    | 0,23                                                                      | 0,17             | 0,11             | 0,04     |
|                | Biên tập hạng III                                     | 6/9  | Công   | 0,41                                                                    | 0,36                                                                      | 0,31             | 0,25             | 0,19     |
|                | Biên tập hạng III                                     | 8/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,08                                                                      | 0,06             | 0,04             | 0,03     |
|                | Biên tập hạng III                                     | 3/9  | Công   | 0,23                                                                    | 0,23                                                                      | 0,23             | 0,23             | 0,23     |
|                | Đạo diễn                                              | 6/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,13                                                                      | 0,13             | 0,13             | 0,13     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 6/12 | Công   | 0,13                                                                    | 0,10                                                                      | 0,08             | 0,05             | 0,02     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 9/12 | Công   | 0,13                                                                    | 0,13                                                                      | 0,13             | 0,13             | 0,13     |
|                | Phát thanh viên hạng                                  | 5/10 | Công   | 0,03                                                                    | 0,02                                                                      | 0,02             | 0,01             | 0,00     |

|  |                                |     |      |       |       |       |       |      |
|--|--------------------------------|-----|------|-------|-------|-------|-------|------|
|  | III                            |     |      |       |       |       |       | 5    |
|  | Phát thanh viên hạng II        | 1/8 | Công | 0,25  | 0,25  | 0,25  | 0,25  | 0,25 |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9 | Công | 4,94  | 3,95  | 2,96  | 1,98  | 0,74 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |     |      |       |       |       |       |      |
|  | Hệ thống dựng                  |     | Giờ  | 2,58  | 2,17  | 1,75  | 1,33  | 0,81 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |     | Giờ  | 1,01  | 0,81  | 0,60  | 0,40  | 0,15 |
|  | Hệ thống phòng truyền âm       |     | Giờ  | 1,00  | 1,00  | 1,00  | 1,00  | 1,00 |
|  | Máy ghi âm                     |     | Giờ  | 26,50 | 21,20 | 15,90 | 10,60 | 3,98 |
|  | Máy in                         |     | Giờ  | 0,06  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,04 |
|  | Máy tính                       |     | Giờ  | 12,22 | 10,14 | 8,05  | 5,97  | 3,36 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |     |      |       |       |       |       |      |
|  | Giấy                           | A4  | Ram  | 0,09  | 0,09  | 0,09  | 0,09  | 0,09 |
|  | Mực in                         |     | Hộp  | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,03 |

| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
|---------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng            | 15 phút |
| Tin trong nước                  | 6       |
| Phóng sự ngắn trong nước        | 2       |
| Tin quốc tế                     | 5       |

### 13.01.00.02.00 Bản tin thời sự ghi âm phát sau

#### 1. BẢN TIN THỜI SỰ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 5 PHÚT

##### a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:

- + Đề xuất chủ đề
- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động

- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.
  - Biên tập tin quốc tế:
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
  - + Duyệt lời dẫn, nội dung
  - Tổ chức sản xuất bản tin:
  - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
  - + Lập khung bản tin thời sự
  - + Duyệt khung bản tin
  - + Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện
  - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Thu thanh bản tin
  - Dàn dựng bản tin
  - + Duyệt sản phẩm
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Bảng định mức sản xuất bản tin thời sự ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                      |     | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|---------------------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                         |     |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.01.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh - cấp bậc)</b> |     |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng                                     | 4/9 | Công   | 0,21                                                                    | 0,17                                                                      | 0,13             | 0,08             | 0,03     |

|  |                                |      |      |      |      |      |      |      |
|--|--------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|
|  | III                            |      |      |      |      |      |      |      |
|  | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công | 0,14 | 0,12 | 0,09 | 0,07 | 0,05 |
|  | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công | 0,04 | 0,04 | 0,03 | 0,02 | 0,02 |
|  | Biên tập viên hạng III         | 3/9  | Công | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
|  | Kỹ thuật viên                  | 6/12 | Công | 0,04 | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 |
|  | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 1,57 | 1,25 | 0,94 | 0,63 | 0,23 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |      |      |      |      |      |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 0,47 | 0,37 | 0,28 | 0,19 | 0,07 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 0,27 | 0,26 | 0,26 | 0,26 | 0,25 |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 9,67 | 7,73 | 5,80 | 3,87 | 1,45 |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,01 |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 4,55 | 3,73 | 2,92 | 2,10 | 1,08 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |      |      |      |      |      |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,04 | 0,04 | 0,04 | 0,04 | 0,04 |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |

| Ghi chú: Số lượng tin |         |
|-----------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng  | 05 phút |
| Tin trong nước        | 4       |
| Tin quốc tế           | 3       |

## 2. BẢN TIN THỜI SỰ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 10 PHÚT, 15 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:

+ Đề xuất chủ đề

- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất phóng sự trong nước:
  - + Đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Tác nghiệp tại hiện trường
  - + Nghe lại và rả băng âm thanh phỏng vấn
  - + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
  - + Duyệt phóng sự
  - + Trích âm thanh phỏng vấn
  - + Thu thanh phóng sự
  - + Dựng phóng sự
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Biên tập tin quốc tế:
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
  - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Tổ chức sản xuất bản tin:
  - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
  - + Lập khung bản tin thời sự
  - + Duyệt khung bản tin
  - + Nhận tin bài và đôn đốc các đơn vị thực hiện
  - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin

- + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Thu thanh bản tin
  - + Dàn dựng bản tin
  - + Duyệt sản phẩm
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Định mức sản xuất bản tin thời sự ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.01.00.02.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                               | 4/9  | Công   | 0,28                                                                    | 0,23                                                                      | 0,17             | 0,11             | 0,04     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 0,24                                                                    | 0,20                                                                      | 0,16             | 0,12             | 0,08     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,07                                                                    | 0,06                                                                      | 0,04             | 0,03             | 0,02     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 3/9  | Công   | 0,07                                                                    | 0,07                                                                      | 0,07             | 0,07             | 0,07     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 6/12 | Công   | 0,11                                                                    | 0,10                                                                      | 0,09             | 0,08             | 0,06     |
|                | Phát thanh viên hạng III                              | 5/10 | Công   | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      | 0,05             | 0,05             | 0,05     |
|                | Phóng viên hạng III                                   | 3/9  | Công   | 3,25                                                                    | 2,60                                                                      | 1,95             | 1,30             | 0,49     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ    | 1,30                                                                    | 1,04                                                                      | 0,78             | 0,52             | 0,19     |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                               |      | Giờ    | 0,86                                                                    | 0,77                                                                      | 0,69             | 0,60             | 0,49     |
|                | Máy ghi âm                                            |      | Giờ    | 18,08                                                                   | 14,47                                                                     | 10,85            | 7,23             | 2,71     |
|                | Máy in                                                |      | Giờ    | 0,04                                                                    | 0,04                                                                      | 0,04             | 0,03             | 0,03     |

|  |                                |    |     |      |      |      |      |      |
|--|--------------------------------|----|-----|------|------|------|------|------|
|  | Máy tính                       |    | Giờ | 8,06 | 6,56 | 5,05 | 3,54 | 1,66 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |      |      |      |      |      |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 | 0,02 |

| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
|---------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng            | 10 phút |
| Tin trong nước                  | 5       |
| Phóng sự ngắn trong nước        | 1       |
| Tin quốc tế                     | 4       |

b2) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.01.00.02.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                               | 4/9  | Công   | 0,28                                                                    | 0,23                                                                      | 0,17             | 0,11             | 0,04     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 0,34                                                                    | 0,29                                                                      | 0,23             | 0,18             | 0,11     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,07                                                                      | 0,06             | 0,02             | 0,02     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 3/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,13                                                                      | 0,13             | 0,13             | 0,13     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 6/12 | Công   | 0,20                                                                    | 0,18                                                                      | 0,16             | 0,14             | 0,11     |
|                | Phát thanh viên hạng III                              | 5/10 | Công   | 0,10                                                                    | 0,09                                                                      | 0,09             | 0,08             | 0,08     |
|                | Phóng viên hạng III                                   | 3/9  | Công   | 4,93                                                                    | 3,94                                                                      | 2,96             | 1,97             | 0,74     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ    | 2,11                                                                    | 1,69                                                                      | 1,27             | 0,84             | 0,32     |
|                | Hệ thống phòng                                        |      | Giờ    | 1,60                                                                    | 1,43                                                                      | 1,26             | 1,09             | 0,87     |

|  |                                |    |     |       |       |       |       |      |
|--|--------------------------------|----|-----|-------|-------|-------|-------|------|
|  | thu dụng                       |    |     |       |       |       |       |      |
|  | Máy ghi âm                     |    | Giờ | 26,50 | 21,20 | 15,90 | 10,60 | 3,98 |
|  | Máy in                         |    | Giờ | 0,04  | 0,03  | 0,03  | 0,02  | 0,02 |
|  | Máy tính                       |    | Giờ | 11,33 | 9,25  | 7,17  | 5,08  | 2,48 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |       |       |       |       |      |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,06  | 0,06  | 0,06  | 0,06  | 0,06 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02 |

| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
|---------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng            | 15 phút |
| Tin trong nước                  | 6       |
| Phóng sự ngắn trong nước        | 2       |
| Tin quốc tế                     | 5       |

### 13.02.00.00.00 Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau

#### 1. BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 5 PHÚT, 10 PHÚT

##### a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin:

+ Đề xuất chủ đề

+ Duyệt chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn và nội dung tin

+ Duyệt tin

+ Thu dẫn và dựng tin tiếng động

+ Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự:

+ Đề xuất ý tưởng

+ Duyệt ý tưởng

+ Tìm thông tin liên quan đến chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và rả băng âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn, lời bình phóng sự

- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Tổ chức sản xuất bản tin:
- + Lập khung bản tin
- + Duyệt khung bản tin
- + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính bản tin
- + Duyệt kịch bản bản tin
- + Thu thanh chương trình
- + Dàn dựng bản tin
- + Duyệt thành phẩm
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Định mức sản xuất bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                      |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|---------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                         |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.02.00.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh - Cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 6/9  | Công   | 0,11                                                                    | 0,09                                                                      | 0,07             | 0,05             | 0,03     |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 8/9  | Công   | 0,03                                                                    | 0,03                                                                      | 0,02             | 0,02             | 0,01     |
|                | Biên tập viên                                           | 3/9  | Công   | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      | 0,02             | 0,02             | 0,02     |
|                | Kỹ thuật viên                                           | 6/12 | Công   | 0,05                                                                    | 0,04                                                                      | 0,04             | 0,04             | 0,03     |
|                | Phát                                                    | 5/10 | Công   | 0,03                                                                    | 0,02                                                                      | 0,02             | 0,02             | 0,02     |

|  |                                |     |      |       |      |      |      |      |
|--|--------------------------------|-----|------|-------|------|------|------|------|
|  | thanh viên hạng III            |     |      |       |      |      |      |      |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9 | Công | 1,96  | 1,57 | 1,18 | 0,79 | 0,29 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |     |      |       |      |      |      |      |
|  | Hệ thống dựng                  |     | Giờ  | 0,63  | 0,51 | 0,38 | 0,25 | 0,10 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |     | Giờ  | 0,31  | 0,30 | 0,29 | 0,28 | 0,26 |
|  | Máy ghi âm                     |     | Giờ  | 12,08 | 9,67 | 7,25 | 4,83 | 1,81 |
|  | Máy in                         |     | Giờ  | 0,02  | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |
|  | Máy tính                       |     | Giờ  | 3,09  | 2,50 | 1,90 | 1,30 | 0,56 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |     |      |       |      |      |      |      |
|  | Giấy                           | A4  | Ram  | 0,03  | 0,03 | 0,03 | 0,03 | 0,03 |
|  | Mực in                         |     | Hộp  | 0,01  | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |

| Ghi chú: Số lượng tin |         |
|-----------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng  | 05 phút |
| Tin                   | 5       |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |     |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.02.00.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9 | Công   | 0,21                                                                    | 0,17                                                                      | 0,13             | 0,09             | 0,05     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9 | Công   | 0,05                                                                    | 0,04                                                                      | 0,03             | 0,02             | 0,01     |

|  |                                |      |      |       |       |       |      |      |
|--|--------------------------------|------|------|-------|-------|-------|------|------|
|  | Biên tập viên                  | 3/9  | Công | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,03 | 0,03 |
|  | Kỹ thuật viên                  | 6/12 | Công | 0,13  | 0,11  | 0,10  | 0,08 | 0,06 |
|  | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công | 0,07  | 0,06  | 0,06  | 0,05 | 0,05 |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 4,04  | 3,23  | 2,42  | 1,62 | 0,61 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |       |       |      |      |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 1,59  | 1,27  | 0,95  | 0,64 | 0,24 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 0,94  | 0,84  | 0,73  | 0,63 | 0,50 |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 22,92 | 18,33 | 13,75 | 9,17 | 3,44 |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,02  | 0,02  | 0,01  | 0,01 | 0,01 |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 6,53  | 5,23  | 3,94  | 2,64 | 1,03 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |       |       |      |      |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,04  | 0,04  | 0,04  | 0,04 | 0,04 |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01 | 0,01 |

|                                 |         |
|---------------------------------|---------|
| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
| Thời lượng phát sóng            | 10 phút |
| Tin                             | 7       |
| Phóng sự ngắn                   | 1       |

## 2. BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ GHI ÂM PHÁT SAU, THỜI LƯỢNG 15 PHÚT

### a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin:

+ Đề xuất chủ đề

+ Duyệt chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn và nội dung tin

- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất phóng sự:
  - + Đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Tác nghiệp tại hiện trường
  - + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
  - + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
  - + Duyệt phóng sự
  - + Trích âm thanh phỏng vấn
  - + Thu thanh phóng sự
  - + Dựng phóng sự
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất phỏng vấn:
  - + Đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Thu thập thông tin và liên hệ phỏng vấn
  - + Soạn thảo nội dung phỏng vấn
  - + Duyệt nội dung phỏng vấn
  - + Thống nhất kế hoạch, nội dung phỏng vấn với khách mời
  - + Thực hiện phỏng vấn
  - + Nghe lại và rải băng phỏng vấn
  - + Trích nội dung phỏng vấn
  - + Duyệt sản phẩm
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Tổ chức sản xuất bản tin:
  - + Lập khung bản tin
  - + Duyệt khung bản tin
  - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính của bản tin
  - + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Thu thanh chương trình

- + Dàn dựng bản tin
- + Duyệt thành phẩm
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.02.00.00.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,28                                                                    | 0,23                                                                      | 0,17             | 0,12             | 0,05     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,07                                                                      | 0,06             | 0,04             | 0,02     |
|                | Biên tập viên                                    | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      | 0,09             | 0,09             | 0,09     |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 6/12 | Công   | 0,18                                                                    | 0,16                                                                      | 0,14             | 0,13             | 0,11     |
|                | Phát thanh viên                                  | 5/10 | Công   | 0,10                                                                    | 0,09                                                                      | 0,09             | 0,08             | 0,08     |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 5,72                                                                    | 4,57                                                                      | 3,43             | 2,29             | 0,86     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 3,15                                                                    | 2,52                                                                      | 1,89             | 1,26             | 0,47     |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 1,29                                                                    | 1,18                                                                      | 1,07             | 0,96             | 0,83     |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 29,75                                                                   | 23,80                                                                     | 17,85            | 11,90            | 4,46     |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      | 0,02             | 0,01             | 0,01     |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 12,17                                                                   | 9,80                                                                      | 7,43             | 5,06             | 2,10     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |

|  |        |    |     |      |      |      |      |      |
|--|--------|----|-----|------|------|------|------|------|
|  | Giấy   | A4 | Ram | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 | 0,05 |
|  | Mực in |    | Hộp | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 | 0,01 |

|                                 |         |
|---------------------------------|---------|
| Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự |         |
| Thời lượng phát sóng            | 15 phút |
| Tin                             | 9       |
| Phóng sự ngắn                   | 1       |
| Phóng vấn                       | 1       |

### 13.03.00.00.00 Bản tin tiếng dân tộc

#### a) Thành phần công việc

- Lập khung bản tin: Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
- Duyệt khung bản tin
- Biên tập nội dung bản tin theo khung được duyệt bằng Tiếng Việt, viết lời dẫn chương trình
- Duyệt nội dung
- Biên dịch nội dung bản tin từ Tiếng Việt sang tiếng dân tộc
- Đọc, thu thanh bản tin bằng tiếng dân tộc
- Dựng chương trình (pha âm, chèn tiếng động, chèn nhạc, cắt, dựng)
- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

#### b) Định mức sản xuất chương trình tiếng dân tộc

##### b1) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.03.00.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 3/9  | Công   | 0,29            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,13            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,16            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,03            |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,08            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 6/12 | Công   | 0,09            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 4,00            |

|  |                                |    |     |      |
|--|--------------------------------|----|-----|------|
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |    | Giờ | 1,06 |
|  | Máy in                         |    | Giờ | 0,01 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |      |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,02 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,01 |

b2) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.03.00.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                               | 3/9  | Công   | 0,44            |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 3/9  | Công   | 0,19            |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 0,30            |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,03            |
|                | Phát thanh viên hạng III                              | 5/10 | Công   | 0,13            |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 6/12 | Công   | 0,15            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |        |                 |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ    | 6,50            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                               |      | Giờ    | 1,67            |
|                | Máy ghi âm                                            |      | Giờ    | 0,02            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Giấy                                                  | A4   | Ram    | 0,02            |
|                | Mực in                                                |      | Hộp    | 0,01            |

### **13.04.00.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp**

#### **13.04.00.01.00 Chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp**

##### **a) Thành phần công việc**

- Sản xuất tin trong nước:

+ Đề xuất chủ đề

+ Duyệt chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn và nội dung tin

- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất phóng sự trong nước:
  - + Đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Tác nghiệp tại hiện trường
  - + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
  - + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
  - + Duyệt phóng sự
  - + Trích âm thanh phỏng vấn
  - + Thu thanh phóng sự
  - + Dựng phóng sự
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Bài bình luận:
  - + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Thu thập thông tin
  - + Viết bài bình luận
  - + Duyệt bài bình luận
  - + Thu thanh và dựng bài bình luận
  - + Duyệt sản phẩm
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Biên tập tin quốc tế:
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
  - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Bài phân tích quốc tế: *Dành cho chương trình thời lượng 45 phút*
  - + Tìm chủ đề
  - + Duyệt chủ đề
  - + Tìm kiếm, kiểm tra và biên dịch thông tin
  - + Biên tập bài phân tích

- + Duyệt bài
- + Thu thanh và dựng bài phân tích
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Tổ chức sản xuất bản tin:
  - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
  - + Lập khung chương trình thời sự
  - + Duyệt khung chương trình
  - + Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện
  - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin
  - + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Dựng âm thanh, tiếng động theo kịch bản được duyệt
  - + Thu thanh và phát trực tiếp bản tin.
  - + Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)
- b) Định mức sản xuất chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp
- b1) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |     |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.04.00.01.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9 | Công   | 0,35                                                                    | 0,28                                                                      | 0,21             | 0,14             | 0,05     |
|                | Biên tập                                         | 6/9 | Công   | 1,58                                                                    | 1,29                                                                      | 1,01             | 0,72             | 0,36     |

|  |                                   |      |      |       |       |       |       |      |
|--|-----------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|------|
|  | viên<br>hạng III                  |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Biên tập<br>viên<br>hạng III      | 8/9  | Công | 0,13  | 0,11  | 0,09  | 0,06  | 0,03 |
|  | Biên tập<br>viên<br>hạng III      | 3/9  | Công | 0,23  | 0,23  | 0,23  | 0,23  | 0,23 |
|  | Đạo diễn                          | 6/9  | Công | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13 |
|  | Kỹ thuật<br>viên                  | 6/12 | Công | 0,22  | 0,18  | 0,13  | 0,09  | 0,03 |
|  | Kỹ thuật<br>viên                  | 9/12 | Công | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13 |
|  | Phát<br>thanh<br>viên<br>hạng III | 5/10 | Công | 0,04  | 0,03  | 0,03  | 0,02  | 0,01 |
|  | Phát<br>thanh<br>viên<br>hạng III | 2/8  | Công | 0,30  | 0,29  | 0,28  | 0,27  | 0,26 |
|  | Phóng<br>viên<br>hạng III         | 3/9  | Công | 6,62  | 5,30  | 3,97  | 2,65  | 0,99 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>         |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Hệ thống dựng                     |      | Giờ  | 4,55  | 3,74  | 2,93  | 2,12  | 1,11 |
|  | Hệ thống phòng<br>thu dựng        |      | Giờ  | 0,59  | 0,47  | 0,35  | 0,24  | 0,09 |
|  | Hệ thống phòng<br>truyền âm       |      | Giờ  | 1,00  | 1,00  | 1,00  | 1,00  | 1,00 |
|  | Máy ghi âm                        |      | Giờ  | 34,92 | 27,93 | 20,95 | 13,97 | 5,24 |
|  | Máy in                            |      | Giờ  | 0,12  | 0,11  | 0,10  | 0,10  | 0,09 |
|  | Máy tính                          |      | Giờ  | 23,32 | 19,01 | 14,71 | 10,41 | 5,03 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>    |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Giấy                              | A4   | Ram  | 0,16  | 0,16  | 0,16  | 0,16  | 0,16 |
|  | Mực in                            |      | Hộp  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05 |

| Ghi chú: Số lượng tin, bài |         |
|----------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng       | 30 phút |
| Tin trong nước             | 7       |
| Phóng sự ngắn trong nước   | 3       |
| Tin quốc tế                | 5       |
| Bài bình luận              | 1       |

## b2) Thời lượng 45 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.04.00.01.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                               | 4/9  | Công   | 0,35                                                                    | 0,28                                                                      | 0,21             | 0,14             | 0,05     |
|                | Biên dịch viên hạng III                               | 6/9  | Công   | 0,40                                                                    | 0,32                                                                      | 0,24             | 0,16             | 0,06     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 1,86                                                                    | 1,53                                                                      | 1,21             | 0,88             | 0,48     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,20                                                                    | 0,17                                                                      | 0,13             | 0,09             | 0,05     |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 3/9  | Công   | 0,69                                                                    | 0,69                                                                      | 0,69             | 0,69             | 0,69     |
|                | Đạo diễn                                              | 6/9  | Công   | 0,16                                                                    | 0,16                                                                      | 0,16             | 0,16             | 0,16     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 6/12 | Công   | 0,36                                                                    | 0,29                                                                      | 0,22             | 0,14             | 0,05     |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 9/12 | Công   | 0,16                                                                    | 0,16                                                                      | 0,16             | 0,16             | 0,16     |
|                | Phát thanh viên hạng III                              | 5/10 | Công   | 0,07                                                                    | 0,05                                                                      | 0,04             | 0,03             | 0,01     |
|                | Phát thanh viên chính                                 | 2/8  | Công   | 0,49                                                                    | 0,47                                                                      | 0,44             | 0,42             | 0,39     |

|  |                                |     |      |       |       |       |       |      |
|--|--------------------------------|-----|------|-------|-------|-------|-------|------|
|  | hạng II                        |     |      |       |       |       |       |      |
|  | Phóng viên                     | 3/9 | Công | 9,99  | 7,99  | 5,99  | 4,00  | 1,50 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |     |      |       |       |       |       |      |
|  | Hệ thống dựng                  |     | Giờ  | 7,41  | 6,13  | 4,85  | 3,56  | 1,96 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |     | Giờ  | 0,78  | 0,62  | 0,47  | 0,31  | 0,12 |
|  | Hệ thống phòng truyền âm       |     | Giờ  | 1,25  | 1,25  | 1,25  | 1,25  | 1,25 |
|  | Máy ghi âm                     |     | Giờ  | 51,75 | 41,40 | 31,05 | 20,70 | 7,76 |
|  | Máy in                         |     | Giờ  | 0,18  | 0,17  | 0,16  | 0,15  | 0,15 |
|  | Máy tính                       |     | Giờ  | 35,57 | 29,51 | 23,44 | 17,38 | 9,80 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |     |      |       |       |       |       |      |
|  | Giấy                           | A4  | Ram  | 0,23  | 0,23  | 0,23  | 0,23  | 0,23 |
|  | Mực in                         |     | Hộp  | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07 |

| Ghi chú: Số lượng tin, bài |         |
|----------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng       | 45 phút |
| Tin trong nước             | 9       |
| Phóng sự ngắn trong nước   | 5       |
| Tin quốc tế                | 5       |
| Bài bình luận              | 1       |
| Bài phân tích              | 1       |

### 13.04.00.02.00 Chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau

#### a) Thành phần công việc

##### - Sản xuất tin trong nước:

- + Đề xuất chủ đề
- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

##### - Sản xuất phóng sự trong nước:

- + Đề xuất ý tưởng
- + Duyệt ý tưởng
- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Bài bình luận:
  - + Nghiên cứu, đề xuất ý tưởng
  - + Duyệt ý tưởng
  - + Thu thập thông tin
  - + Viết bài bình luận
  - + Duyệt bài bình luận
  - + Thu thanh và dựng bài bình luận
  - + Duyệt sản phẩm
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Biên tập tin quốc tế:
  - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
  - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Bài phân tích quốc tế: *Dành cho chương trình thời lượng 45 phút*
  - + Tìm chủ đề
  - + Duyệt chủ đề
  - + Tìm kiếm, kiểm tra và biên dịch thông tin
  - + Biên tập bài phân tích
  - + Duyệt bài
  - + Thu thanh và dựng bài phân tích
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Tổ chức sản xuất bản tin:

- + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
  - + Lập khung chương trình thời sự
  - + Duyệt khung chương trình
  - + Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện
  - Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
  - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin
  - + Duyệt kịch bản bản tin
  - + Thu thanh chương trình
  - + Dàn dựng chương trình
  - + Duyệt chương trình
  - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.04.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 0,35                                                                    | 0,28                                                                      | 0,21             | 0,14             | 0,05     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 1,53                                                                    | 1,25                                                                      | 0,97             | 0,69             | 0,33     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,15                                                                    | 0,13                                                                      | 0,10             | 0,07             | 0,04     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,22                                                                    | 0,22                                                                      | 0,22             | 0,22             | 0,22     |
|                | Kỹ thuật                                         | 6/12 | Công   | 0,34                                                                    | 0,30                                                                      | 0,26             | 0,21             | 0,16     |

|  |                                |      |      |       |       |       |       |      |
|--|--------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|------|
|  | viên                           |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Phát thanh viên                | 5/10 | Công | 0,04  | 0,03  | 0,03  | 0,02  | 0,01 |
|  | Phát thanh viên chính hạng II  | 1/8  | Công | 0,11  | 0,10  | 0,09  | 0,08  | 0,07 |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 6,62  | 5,30  | 3,97  | 2,65  | 0,99 |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 4,00  | 3,20  | 2,40  | 1,60  | 0,60 |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 1,62  | 1,50  | 1,39  | 1,27  | 1,12 |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 34,92 | 27,93 | 20,95 | 13,97 | 5,24 |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,13  | 0,13  | 0,12  | 0,11  | 0,10 |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 23,25 | 18,94 | 14,64 | 10,33 | 4,96 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |       |       |       |      |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,17  | 0,17  | 0,17  | 0,17  | 0,17 |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05 |

| Ghi chú: Số lượng tin bài |         |
|---------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng      | 30 phút |
| Tin trong nước            | 7       |
| Phóng sự ngắn trong nước  | 3       |
| Tin quốc tế               | 5       |
| Bài bình luận             | 1       |

### **13.05.00.00.00 Chương trình tiếng nước ngoài**

#### **13.05.01.01.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp**

##### **a) Thành phần công việc**

- Tập hợp tin bài liên quan
- Lập khung bản tin
- Duyệt khung bản tin
- Biên tập bản tin bằng Tiếng Việt
- Duyệt nội dung
- Biên dịch sang tiếng nước ngoài
- Hiệu đính
- Thu thanh và phát trực tiếp

- Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)

b) Định mức sản xuất bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp

b1) Thời lượng 5 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí             |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.01.01 | <b><u>Nhân công</u></b>        |      |        |                 |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)          |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III        | 4/9  | Công   | 0,63            |
|                | Biên dịch viên hạng III        | 5/9  | Công   | 0,15            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công   | 0,20            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công   | 0,02            |
|                | Kỹ thuật viên                  | 9/12 | Công   | 0,06            |
|                | Đạo diễn                       | 6/9  | Công   | 0,06            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |        |                 |
|                | Máy in                         |      | Giờ    | 0,01            |
|                | Máy tính                       |      | Giờ    | 5,00            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ    | 0,50            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |        |                 |
|                | Giấy                           | A4   | Ram    | 0,01            |
|                | Mực in                         |      | Hộp    | 0,004           |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí        |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|---------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.01.02 | <b><u>Nhân công</u></b>   |      |        |                 |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)     |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III   | 4/9  | Công   | 0,74            |
|                | Biên dịch viên hạng III   | 5/9  | Công   | 0,29            |
|                | Biên tập viên hạng III    | 6/9  | Công   | 0,23            |
|                | Biên tập viên hạng III    | 8/9  | Công   | 0,02            |
|                | Kỹ thuật viên             | 9/12 | Công   | 0,10            |
|                | Đạo diễn                  | 6/9  | Công   | 0,10            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b> |      |        |                 |
|                | Máy in                    |      | Giờ    | 0,02            |
|                | Máy tính                  |      | Giờ    | 5,94            |

|  |                                |    |     |      |
|--|--------------------------------|----|-----|------|
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |    | Giờ | 0,83 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |      |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,02 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,01 |

b3) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.01.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 1,09            |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 5/9  | Công   | 0,56            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,34            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,04            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 9/12 | Công   | 0,11            |
|                | Đạo diễn                                         | 6/9  | Công   | 0,11            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,03            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 8,75            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,92            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,04            |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,01            |

### **13.05.01.02.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau**

a) Thành phần công việc

- Tập hợp tin bài liên quan
- Lập khung bản tin
- Duyệt khung bản tin
- Biên tập bản tin bằng Tiếng Việt
- Duyệt nội dung
- Biên dịch sang tiếng nước ngoài
- Hiệu đính
- Thu thanh và dàn dựng bản tin

- Duyệt bản tin

- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

b) Định mức sản xuất bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau

b1) Thời lượng 5 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 0,78            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,17            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,03            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 8/12 | Công   | 0,03            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,01            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 4,39            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,28            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,01            |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,004           |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.02.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 0,93            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,25            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,05            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 8/12 | Công   | 0,07            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,02            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 6,11            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,56            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |

|  |        |    |     |      |
|--|--------|----|-----|------|
|  | Giấy   | A4 | Ram | 0,02 |
|  | Mực in |    | Hộp | 0,01 |

## b3) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.01.02.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 1,38            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,37            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,07            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 8/12 | Công   | 0,10            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,03            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 9,25            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,83            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,04            |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,01            |

**13.05.02.00.00 Bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài**

## a) Thành phần công việc

- Tìm kiếm thông tin liên quan
- Lập khung bản tin
- Duyệt khung bản tin
- Biên tập bản tin chuyên đề bằng Tiếng Việt
- Duyệt nội dung
- Biên dịch sang tiếng nước ngoài
- Hiệu đính
- Thu thanh và dàn dựng bản tin
- Duyệt sản phẩm
- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

## b) Định mức sản xuất bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài

## b1) Thời lượng 5 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.02.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III                          | 4/9  | Công   | 0,88            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,25            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,05            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 8/12 | Công   | 0,03            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,01            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 6,67            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,28            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,01            |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,004           |

### **13.05.03.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp tiếng nước ngoài ghi âm phát sau**

#### **a) Thành phần công việc**

- Bản tin 15 phút

+ Tập hợp tin bài liên quan

+ Lập khung bản tin

+ Duyệt khung bản tin

+ Biên tập bản tin

+ Duyệt nội dung bản tin

+ Biên dịch nội dung các tin sang tiếng nước ngoài

+ Hiệu đính bản tin

+ Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

- Biên tập bài bình luận

+ Biên tập và biên dịch nội dung bài bình luận

+ Hiệu đính bài bình luận

- Biên tập phóng sự

+ Biên tập và biên dịch bài phóng sự

+ Hiệu đính phóng sự

- Hoàn thiện kịch bản lời dẫn
  - Chọn nhạc và lấy nhạc cho chương trình
  - Hiệu đính kịch bản, lời dẫn
  - Thu thanh và dàn dựng chương trình
  - Chuyển sản phẩm hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất chương trình thời sự tổng hợp
- b1) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí             |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.05.03.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b>        |      |        |                 |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)          |      |        |                 |
|                | Biên dịch viên hạng III        | 4/9  | Công   | 2,81            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công   | 0,47            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công   | 0,13            |
|                | Kỹ thuật viên                  | 7/12 | Công   | 0,21            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |        |                 |
|                | Máy in                         |      | Giờ    | 0,09            |
|                | Máy tính                       |      | Giờ    | 18,06           |
|                | Hệ thống phòng truyền âm       |      | Giờ    | 1,67            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |        |                 |
|                | Giấy                           | A4   | Ram    | 0,11            |
|                | Mực in                         |      | Hộp    | 0,04            |

### **13.06.00.00.00 Bản tin thời tiết**

- a) Thành phần công việc
- Lấy thông tin từ các tổ chức dự báo thời tiết
  - Biên tập bản tin
  - Duyệt bản tin
  - Thu thanh và dựng bản tin
  - Chuyển sản phẩm hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất bản tin thời tiết
- b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 bản tin*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí        |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|---------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.06.00.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b>   |      |        |                 |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)     |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III    | 3/9  | Công   | 0,15            |
|                | Biên tập viên hạng III    | 6/9  | Công   | 0,03            |
|                | Biên tập viên hạng III    | 8/9  | Công   | 0,02            |
|                | Phát thanh viên hạng III  | 4/10 | Công   | 0,02            |
|                | Kỹ thuật viên             | 6/12 | Công   | 0,03            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b> |      |        |                 |
|                | Hệ thống phòng thu dựng   |      | Giờ    | 0,20            |
|                | Máy tính                  |      | Giờ    | 1,17            |
|                | Máy in                    |      | Giờ    | 0,01            |
|                | <b><u>Vật liệu</u></b>    |      |        |                 |
|                | Giấy                      | A4   |        | 0,01            |
|                | Mực in                    |      |        | 0,003           |

**13.07.00.00.00 Chương trình tư vấn****13.07.00.01.00 Chương trình tư vấn trực tiếp****a) Thành phần công việc**

- Lên ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin và liên hệ khách mời
- Sản xuất phóng sự
- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dàn dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất chùm ý kiến khán giả - voxpop:
- + Đi thực hiện phỏng vấn

- + Rải băng âm thanh và biên tập
  - + Duyệt voxpop
  - + Trích âm thanh phỏng vấn
  - + Dàn dựng voxpop
  - Viết kịch bản chi tiết chương trình tư vấn
  - Duyệt kịch bản
  - Thu thanh và phát trực tiếp chương trình
  - Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)
- b) Định mức sản xuất chương trình tư vấn trực tiếp

b1) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tư vấn*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.07.00.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 4/9  | Công   | 3,50            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,78            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,23            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9  | Công   | 0,25            |
|                | Đạo diễn                                         | 6/9  | Công   | 0,16            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 9/12 | Công   | 0,16            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 7/12 | Công   | 0,06            |
|                | Phát thanh viên                                  | 5/10 | Công   | 0,01            |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 1,25            |
|                | Phóng viên hạng III                              | 2/9  | Công   | 0,51            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 2,75            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,08            |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 1,25            |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 8,67            |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,01            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 31,17           |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,02            |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,01            |

**07.00.02.00 Chương trình tư vấn phát sau**

## a) Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng theo chủ đề
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin và liên hệ khách mời
- Viết kịch bản đề cương bản kịch tư vấn
- Duyệt kịch bản
- Lấy ý kiến khán giả: Đi phỏng vấn, trích và rải băng
- Ghi lại số điện thoại và nội dung câu hỏi của thính giả
- Thực hiện tư vấn cho khán giả
- Dàn dựng chương trình tư vấn
- Duyệt chương trình tư vấn
- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

## b) Định mức sản xuất chương trình tư vấn phát sau

## b1) Thời lượng 15 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình tư vấn

| Mã hiệu     | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức |
|-------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-----------------|
| 07.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                 |
|             | Biên tập viên hạng III                           | 3/9 | Công   | 1,19            |
|             | Biên tập viên hạng III                           | 6/9 | Công   | 0,38            |
|             | Biên tập viên hạng III                           | 8/9 | Công   | 0,04            |
|             | Biên tập viên hạng III                           | 2/9 | Công   | 0,38            |
|             | Đạo diễn                                         | 6/9 | Công   | 0,06            |
|             | Kỹ thuật viên                                    | 3/9 | Công   | 0,19            |
|             | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |     |        |                 |
|             | Hệ thống dựng                                    |     | Giờ    | 1,00            |
|             | Hệ thống phòng thu dựng                          |     | Giờ    | 0,50            |
|             | Máy in                                           |     | Giờ    | 0,02            |
|             | Máy tính                                         |     | Giờ    | 13,17           |
|             | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |     |        |                 |
|             | Giấy                                             | A4  | Ram    | 0,02            |
|             | Mực in                                           |     | Hộp    | 0,01            |

b2) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tư vấn*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-----------------|
| 13.07.00.02.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9 | Công   | 2,94            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9 | Công   | 0,89            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9 | Công   | 0,11            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9 | Công   | 0,25            |
|                | Đạo diễn                                         | 6/9 | Công   | 0,13            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 3/9 | Công   | 0,55            |
|                | Phóng viên                                       | 3/9 | Công   | 0,49            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |     |        |                 |
|                | Hệ thống dựng                                    |     | Giờ    | 4,63            |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |     | Giờ    | 1,00            |
|                | Máy ghi âm                                       |     | Giờ    | 2,67            |
|                | Máy in                                           |     | Giờ    | 0,03            |
|                | Máy tính                                         |     | Giờ    | 27,00           |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |     |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4  | Ram    | 0,04            |
|                | Mực in                                           |     | Hộp    | 0,01            |

**13.08.00.00.00 Chương trình tọa đàm****13.08.00.01.00 Chương trình tọa đàm trực tiếp**

a) Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin tài liệu và liên hệ khách mời chuyên gia
- Viết kịch bản đề cương
- Duyệt kịch bản đề cương
- Tổ chức sản xuất:

+ Sản xuất phóng sự linh kiện:

\* Tìm thông tin liên quan đến chủ đề

- \* Tác nghiệp tại hiện trường
- \* Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- \* Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- \* Duyệt phóng sự
- \* Trích âm thanh phỏng vấn
- \* Thu thanh phóng sự
- \* Dàn dựng phóng sự
- \* Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- + *Chùm ý kiến thỉnh giả - voxpop:*
- \* Đi thực hiện phỏng vấn
- \* Rải băng âm thanh và biên tập
- \* Duyệt voxpop
- \* Trích âm thanh phỏng vấn
- \* Dàn dựng voxpop
- + *Sản xuất chương trình quảng bá:*
- \* Viết quảng bá
- \* Duyệt quảng bá
- \* Thu thanh quảng bá
- \* Dựng quảng bá
- \* Duyệt sản phẩm
- \* Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Hoàn thiện kịch bản chương trình tọa đàm
- Duyệt kịch bản tọa đàm
- Mời khách đến phòng thu và trao đổi với khách mời
- Thu thanh và phát trực tiếp tọa đàm
- Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)
- b) Định mức sản xuất chương trình tọa đàm trực tiếp
- b1) Thời lượng 30 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình tọa đàm

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   |
| 13.08.00.01.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 5/9  | Công   | 3,90                                                                    | 3,90                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,34                                                                    | 0,24                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,17                                                                    | 0,13                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9  | Công   | 0,25                                                                    | 0,25                                                                      |
|                | Đạo diễn                                         | 6/9  | Công   | 0,16                                                                    | 0,16                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 6/12 | Công   | 0,23                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 9/12 | Công   | 0,16                                                                    | 0,16                                                                      |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,04                                                                    | 0,01                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 3,75                                                                    | 0,56                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 3,12                                                                    | 0,47                                                                      |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 1,80                                                                    | 0,74                                                                      |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 1,25                                                                    | 1,25                                                                      |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 18,00                                                                   | 3,00                                                                      |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 34,97                                                                   | 29,92                                                                     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      |

|                                      |         |
|--------------------------------------|---------|
| Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện |         |
| Thời lượng phát sóng                 | 30 phút |
| Phóng sự linh kiện                   | 3       |

b2) Thời lượng 45 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình tọa đàm

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí             |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |
|----------------|--------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |                                |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   |
| 13.08.00.01.02 | <b><u>Nhân công</u></b>        |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)          |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Biên tập viên hạng III         | 5/9  | Công   | 1,09                                                                    | 1,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công   | 3,74                                                                    | 3,64                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công   | 0,18                                                                    | 0,14                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III         | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III         | 2/9  | Công   | 0,31                                                                    | 0,31                                                                      |
|                | Đạo diễn                       | 6/9  | Công   | 0,19                                                                    | 0,19                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                  | 6/12 | Công   | 0,23                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                  | 9/12 | Công   | 0,19                                                                    | 0,19                                                                      |
|                | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công   | 0,04                                                                    | 0,01                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công   | 3,75                                                                    | 0,56                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III            | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Hệ thống dựng                  |      | Giờ    | 3,12                                                                    | 0,47                                                                      |
|                | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ    | 1,80                                                                    | 0,74                                                                      |
|                | Hệ thống phòng truyền âm       |      | Giờ    | 1,50                                                                    | 1,50                                                                      |
|                | Máy ghi âm                     |      | Giờ    | 18,00                                                                   | 3,00                                                                      |
|                | Máy in                         |      | Giờ    | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | Máy tính                       |      | Giờ    | 39,22                                                                   | 34,17                                                                     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Giấy                           | A4   | Ram    | 0,07                                                                    | 0,07                                                                      |
|                | Mực in                         |      | Hộp    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      |

Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện

|                      |         |
|----------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng | 45 phút |
| Phóng sự linh kiện   | 3       |

## b3) Thời lượng 60 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tọa đàm*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   |
| 13.08.00.01.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 5/9  | Công   | 1,25                                                                    | 1,25                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 4,35                                                                    | 4,25                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,20                                                                    | 0,16                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9  | Công   | 0,38                                                                    | 0,38                                                                      |
|                | Đạo diễn                                         | 6/9  | Công   | 0,22                                                                    | 0,22                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 6/12 | Công   | 0,23                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 9/12 | Công   | 0,22                                                                    | 0,22                                                                      |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,04                                                                    | 0,01                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 3,75                                                                    | 0,56                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 3,12                                                                    | 0,47                                                                      |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 1,80                                                                    | 0,74                                                                      |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 1,75                                                                    | 1,75                                                                      |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 18,00                                                                   | 3,00                                                                      |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,08                                                                    | 0,07                                                                      |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 45,85                                                                   | 40,80                                                                     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,10                                                                    | 0,10                                                                      |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,03                                                                    | 0,03                                                                      |

Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện

Thời lượng phát sóng

60 phút

Phóng sự linh kiện

3

**13.08.00.02.00 Chương trình tọa đàm ghi âm phát sau****a) Thành phần công việc**

- Đề xuất ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin tài liệu và liên hệ khách mời chuyên gia
- Viết kịch bản đề cương
- Duyệt kịch bản đề cương
- Tổ chức sản xuất:
  - + *Sản xuất phóng sự linh kiện:*
    - \* Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
    - \* Tác nghiệp tại hiện trường
    - \* Nghe lại và rả băng âm thanh phỏng vấn
    - \* Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
    - \* Duyệt phóng sự
    - \* Trích âm thanh phỏng vấn
    - \* Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
  - + *Chùm ý kiến thỉnh giả - voxpop:*
    - \* Đi thực hiện phỏng vấn
    - \* Rả băng âm thanh và biên tập
    - \* Duyệt voxpop
    - \* Trích âm thanh phỏng vấn
    - \* Dàn dựng voxpop
  - + *Sản xuất chương trình quảng bá:*
    - \* Viết quảng bá
    - \* Duyệt quảng bá
    - \* Thu thanh quảng bá
    - \* Dựng quảng bá
    - \* Duyệt sản phẩm
    - \* Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Hoàn thiện kịch bản chương trình tọa đàm
- Duyệt kịch bản tọa đàm
- Mời khách đến phòng thu và trao đổi với khách mời

- Thu thanh tọa đàm
  - Dàn dựng chương trình tọa đàm
  - Duyệt chương trình tọa đàm
  - Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ,
- b) Định mức sản xuất chương trình tọa đàm ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 30 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tọa đàm*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   |
| 13.08.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,48                                                                    | 0,38                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,21                                                                    | 0,17                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 4/9  | Công   | 3,73                                                                    | 3,73                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 7/12 | Công   | 0,29                                                                    | 0,28                                                                      |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,10                                                                    | 0,10                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 3,63                                                                    | 0,54                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 3,12                                                                    | 0,47                                                                      |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,55                                                                    | 0,55                                                                      |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 1,70                                                                    | 1,70                                                                      |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 18,00                                                                   | 3,00                                                                      |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 34,97                                                                   | 29,92                                                                     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      |

| Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện |         |
|--------------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng                 | 30 phút |
| Phóng sự linh kiện                   | 3       |

## b1) Thời lượng 45 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tọa đàm*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   |
| 13.08.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,55                                                                    | 0,46                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,26                                                                    | 0,22                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 4/9  | Công   | 4,31                                                                    | 4,31                                                                      |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 7/12 | Công   | 0,35                                                                    | 0,34                                                                      |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,10                                                                    | 0,10                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 3,63                                                                    | 0,54                                                                      |
|                | Phóng viên hạng III                              | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ    | 3,12                                                                    | 0,47                                                                      |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,55                                                                    | 0,55                                                                      |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 2,19                                                                    | 2,19                                                                      |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 18,00                                                                   | 3,00                                                                      |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 39,72                                                                   | 34,67                                                                     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,07                                                                    | 0,07                                                                      |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      |

| Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện |         |
|--------------------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng                 | 45 phút |
| Phóng sự linh kiện                   | 3       |

**13.09.00.00.00 Chương trình tạp chí****a) Thành phần công việc**

- Đề xuất ý tưởng đề tài
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin tài liệu
- Viết kịch bản đề cương
- Duyệt kịch bản đề cương
- Tổ chức sản xuất:
  - + *Box thông tin - tin tức tổng hợp*: dành cho thời lượng từ 15 phút
  - \* Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
  - \* Biên tập tin
  - \* Duyệt tin
  - + *Chùm ý kiến thính giả (voxpath)*: dành cho thời lượng 20 phút và 30 phút
  - \* Đi thực hiện phỏng vấn
  - \* Rải băng âm thanh và biên tập
  - \* Duyệt voxpop
  - \* Trích âm thanh phỏng vấn
  - \* Dàn dựng voxpop
  - + *Phóng sự*:
    - \* Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
    - \* Tác nghiệp tại hiện trường
    - \* Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
    - \* Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
    - \* Duyệt phóng sự
    - \* Trích âm thanh phỏng vấn
  - \* Chuyên sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
  - + *Talk với khách mời*:
    - \* Thu thập thông tin và liên hệ phỏng vấn
    - \* Soạn thảo nội dung phỏng vấn
    - \* Duyệt nội dung phỏng vấn
    - \* Thống nhất kế hoạch, nội dung phỏng vấn với khách mời
    - \* Thực hiện phỏng vấn

- \* Nghe lại và rải băng phỏng vấn
  - \* Viết lời dẫn và biên tập nội dung phỏng vấn
  - \* Duyệt phỏng vấn
  - \* Trích nội dung phỏng vấn
  - \* Thu thanh lời giới thiệu ngắn
  - \* Dựng phỏng vấn
  - \* Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
  - Viết kịch bản đề cương
  - Duyệt kịch bản
  - Thu thanh tạp chí
  - Dàn dựng chương trình tạp chí
  - Duyệt tạp chí
  - Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Định mức sản xuất chương trình tạp chí
- b1) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tạp chí*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |      |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.09.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9  | Công | 0,06   | 0,05                                                                    | 0,04                                                                      | 0,03             | 0,01             |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công | 1,56   | 1,56                                                                    | 1,56                                                                      | 1,56             | 1,56             |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công | 0,22   | 0,21                                                                    | 0,21                                                                      | 0,20             | 0,19             |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công | 0,11   | 0,10                                                                    | 0,10                                                                      | 0,10             | 0,09             |          |
|                | Kỹ thuật                                         | 7/12 | Công | 0,11   | 0,11                                                                    | 0,11                                                                      | 0,11             | 0,11             |          |

|  |                                |      |      |       |       |       |       |       |
|--|--------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|
|  | viên                           |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13  | 0,13  |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 2,06  | 1,82  | 1,58  | 1,34  | 1,03  |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 2,00  | 1,86  | 1,72  | 1,58  | 1,41  |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 0,85  | 0,85  | 0,85  | 0,85  | 0,85  |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,03  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,03  |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 18,60 | 18,11 | 17,62 | 17,12 | 16,51 |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 8,00  | 6,80  | 5,60  | 4,40  | 2,90  |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,03  |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  |

|                                      |         |
|--------------------------------------|---------|
| Ghi chú: Số lượng phóng sự linh kiện |         |
| Thời lượng phát sóng                 | 10 phút |
| Phóng sự linh kiện                   | 1       |

b2) Thời lượng 15 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tạp chí*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |     |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.09.00.02.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 2/9 | Công   | 0,06                                                                    | 0,05                                                                      | 0,04             | 0,03             | 0,01     |
|                | Biên tập viên                                    | 3/9 | Công   | 1,99                                                                    | 1,99                                                                      | 1,99             | 1,99             | 1,99     |

|  |                                |      |      |       |       |       |       |       |
|--|--------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|
|  | hạng III                       |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công | 0,32  | 0,30  | 0,29  | 0,28  | 0,26  |
|  | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công | 0,15  | 0,14  | 0,14  | 0,13  | 0,12  |
|  | Kỹ thuật viên                  | 7/12 | Công | 0,15  | 0,15  | 0,15  | 0,15  | 0,15  |
|  | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công | 0,16  | 0,16  | 0,16  | 0,16  | 0,16  |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 3,79  | 3,30  | 2,82  | 2,34  | 1,73  |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 2,91  | 2,63  | 2,34  | 2,06  | 1,71  |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 1,20  | 1,20  | 1,20  | 1,20  | 1,20  |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,04  | 0,03  | 0,03  | 0,03  | 0,04  |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 26,91 | 26,02 | 25,14 | 24,25 | 23,14 |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 15,00 | 12,60 | 10,20 | 7,80  | 4,80  |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05  |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02  |

|                             |         |
|-----------------------------|---------|
| Ghi chú: Số lượng linh kiện |         |
| Thời lượng phát sóng        | 20 phút |
| Phóng sự linh kiện          | 2       |
| Box thông tin               | 1       |

b3) Thời lượng 20 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình tạp chí*

| Mã hiệu | Thành phần hao phí | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|---------|--------------------|--------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|         |                    |        |                                                                     | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |

|                |                                                     |      |      |       |       |       |       |       |
|----------------|-----------------------------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|
|                |                                                     |      |      | lại   |       |       |       |       |
| 13.09.00.02.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh -<br>Cấp bậc) |      |      |       |       |       |       |       |
|                | Biên tập viên                                       | 2/9  | Công | 0,06  | 0,05  | 0,04  | 0,03  | 0,01  |
|                | Biên tập viên                                       | 3/9  | Công | 2,88  | 2,88  | 2,88  | 2,88  | 2,88  |
|                | Biên tập viên                                       | 6/9  | Công | 0,42  | 0,40  | 0,38  | 0,36  | 0,34  |
|                | Biên tập viên                                       | 8/9  | Công | 0,17  | 0,16  | 0,16  | 0,15  | 0,14  |
|                | Kỹ thuật viên                                       | 7/12 | Công | 0,22  | 0,22  | 0,21  | 0,21  | 0,21  |
|                | Phát thanh viên                                     | 5/10 | Công | 0,22  | 0,22  | 0,22  | 0,22  | 0,22  |
|                | Phóng viên                                          | 2/9  | Công | 0,13  | 0,30  | 0,23  | 0,15  | 0,06  |
|                | Phóng viên                                          | 3/9  | Công | 3,79  | 3,30  | 2,82  | 2,34  | 1,73  |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                           |      |      |       |       |       |       |       |
|                | Hệ thống dựng                                       |      | Giờ  | 2,91  | 2,63  | 2,34  | 2,06  | 1,71  |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                             |      | Giờ  | 1,70  | 1,70  | 1,70  | 1,70  | 1,70  |
|                | Máy in                                              |      | Giờ  | 0,05  | 0,04  | 0,04  | 0,04  | 0,05  |
|                | Máy tính                                            |      | Giờ  | 33,70 | 32,82 | 31,93 | 31,05 | 29,94 |
|                | Máy ghi âm                                          |      | Giờ  | 15,00 | 12,60 | 10,20 | 7,80  | 4,80  |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                      |      |      |       |       |       |       |       |
|                | Giấy                                                | A4   | Ram  | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07  | 0,07  |
|                | Mực in                                              |      | Hộp  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02  | 0,02  |

| Ghi chú: Số lượng linh kiện |         |
|-----------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng        | 20 phút |
| Phóng sự linh kiện          | 2       |
| Box thông tin               | 1       |
| Chùm ý kiến khán giả        | 1       |

b4) Thời lượng 30 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình tạp chí

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                             |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.09.00.02.04 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh-cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên                                  | 2/9  | Công   | 0,06                                                                    | 0,05                                                                      | 0,04             | 0,03             | 0,01     |
|                | Biên tập viên                                  | 3/9  | Công   | 3,70                                                                    | 3,70                                                                      | 3,70             | 3,70             | 3,70     |
|                | Biên tập viên                                  | 6/9  | Công   | 0,58                                                                    | 0,56                                                                      | 0,54             | 0,53             | 0,50     |
|                | Biên tập viên                                  | 8/9  | Công   | 0,27                                                                    | 0,26                                                                      | 0,25             | 0,25             | 0,24     |
|                | Kỹ thuật viên                                  | 7/12 | Công   | 0,31                                                                    | 0,31                                                                      | 0,30             | 0,30             | 0,30     |
|                | Phát thanh viên                                | 5/10 | Công   | 0,21                                                                    | 0,21                                                                      | 0,21             | 0,21             | 0,21     |
|                | Phóng viên                                     | 2/9  | Công   | 0,13                                                                    | 0,30                                                                      | 0,23             | 0,15             | 0,06     |
|                | Phóng viên                                     | 3/9  | Công   | 4,00                                                                    | 3,52                                                                      | 3,04             | 2,55             | 1,95     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                      |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống dựng                                  |      | Giờ    | 4,11                                                                    | 2,83                                                                      | 2,54             | 2,26             | 2,06     |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                        |      | Giờ    | 2,53                                                                    | 2,53                                                                      | 2,53             | 2,53             | 2,53     |
|                | Máy in                                         |      | Giờ    | 0,07                                                                    | 0,06                                                                      | 0,06             | 0,06             | 0,07     |
|                | Máy tính                                       |      | Giờ    | 41,34                                                                   | 40,46                                                                     | 39,57            | 38,69            | 37,58    |
|                | Máy ghi âm                                     |      | Giờ    | 15,00                                                                   | 12,60                                                                     | 10,20            | 7,80             | 5,10     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                 |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Giấy                                           | A4   | Ram    | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      | 0,09             | 0,09             | 0,09     |
|                | Mực in                                         |      | Hộp    | 0,03                                                                    | 0,03                                                                      | 0,03             | 0,03             | 0,03     |

| Ghi chú: Số lượng linh kiện |         |
|-----------------------------|---------|
| Thời lượng phát sóng        | 30 phút |
| Phóng sự linh kiện          | 2       |
| Box thông tin               | 1       |
| Chùm ý kiến khán giả        | 1       |

**10.00.00.00 Chương trình điểm báo****10.00.01.00 Chương trình điểm báo trong nước trực tiếp**

## a) Thành phần công việc

- Thu thập và chọn lọc thông tin trên các báo
- Biên tập nội dung
- Duyệt nội dung
- Thu thanh và phát thanh trực tiếp

## b) Định mức sản xuất điểm báo trực tiếp

## b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình điểm báo*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.10.00.01.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 3/9  | Công   | 0,19            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,02            |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,01            |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,03            |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 8/12 | Công   | 0,03            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                 |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,02            |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 1,50            |
|                | Hệ thống phòng truyền âm                         |      | Giờ    | 0,25            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                 |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,004           |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,001           |

## b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình điểm báo*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí             |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.10.00.01.02 | <b><u>Nhân công</u></b>        |      |        |                 |
|                | (Chức danh - cấp bậc)          |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III         | 3/9  | Công   | 0,31            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 6/9  | Công   | 0,03            |
|                | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công   | 0,02            |
|                | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công   | 0,04            |
|                | Kỹ thuật viên                  | 8/12 | Công   | 0,04            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |        |                 |
|                | Máy in                         |      | Giờ    | 0,01            |
|                | Máy tính                       |      | Giờ    | 2,50            |
|                | Hệ thống phòng truyền âm       |      | Giờ    | 0,33            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |        |                 |
|                | Giấy                           | A4   | Ram    | 0,01            |
|                | Mực in                         |      | Hộp    | 0,003           |

#### 10.00.02.00 Chương trình điểm báo trong nước phát sau

##### a) Thành phần công việc

- Thu thập và chọn lọc thông tin trên các báo
- Biên tập nội dung
- Duyệt nội dung
- Thu thanh điểm báo
- Cắt trích và dựng chương trình
- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

##### b) Định mức sản xuất điểm báo phát sau

##### b1) Thời lượng 05 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình điểm báo

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí      |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|-------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.10.00.02.01 | <b><u>Nhân công</u></b> |      |        |                 |
|                | (Chức danh - Cấp bậc)   |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III  | 3/9  | Công   | 0,21            |
|                | Biên tập viên hạng III  | 6/9  | Công   | 0,02            |
|                | Biên tập viên hạng III  | 8/9  | Công   | 0,01            |
|                | Kỹ thuật viên           | 7/12 | Công   | 0,03            |

|  |                                |    |     |       |
|--|--------------------------------|----|-----|-------|
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |    |     |       |
|  | Hệ thống dựng                  |    | Ca  | 0,01  |
|  | Hệ thống phòng thu             |    | Ca  | 0,02  |
|  | Máy in                         |    | Ca  | 0,003 |
|  | Máy tính                       |    | Ca  | 0,21  |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |       |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,004 |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,001 |

**13.11.00. 00.00 Phóng sự****13.11.01.00. 00 Phóng sự chính luận**

## a) Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin và liên hệ với địa phương
- Viết đề cương
- Duyệt đề cương
- Tác nghiệp tại hiện trường
- Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- Viết lời bình, lời dẫn phóng sự
- Duyệt lời bình, lời dẫn
- Trích âm thanh phỏng vấn
- Thu thanh phóng sự
- Dàn dựng phóng sự
- Duyệt phóng sự
- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.

## b) Định mức sản xuất phóng sự chính luận

## b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự*

| Mã hiệu | Thành phần hao phí | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |              |              |          |
|---------|--------------------|--------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|----------|
|         |                    |        |                                                                | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến | Trên 50% đến | Trên 70% |

|                |                                                  |      |          |       |       |       |       |
|----------------|--------------------------------------------------|------|----------|-------|-------|-------|-------|
|                |                                                  |      | thác lại |       | 50%   | 70%   |       |
| 13.11.01.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |          |       |       |       |       |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công     | 0,18  | 0,18  | 0,18  | 0,18  |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công     | 0,09  | 0,09  | 0,09  | 0,09  |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 7/12 | Công     | 0,05  | 0,05  | 0,05  | 0,05  |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công     | 0,04  | 0,04  | 0,04  | 0,04  |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công     | 2,77  | 2,49  | 2,21  | 1,94  |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |          |       |       |       |       |
|                | Hệ thống dựng                                    |      | Giờ      | 2,50  | 2,30  | 2,10  | 1,90  |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ      | 0,60  | 0,55  | 0,55  | 0,55  |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ      | 10,00 | 8,00  | 6,00  | 4,00  |
|                | Máy in                                           |      | Giờ      | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ      | 9,79  | 9,79  | 9,79  | 9,79  |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |          |       |       |       |       |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram      | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  |
|                | Mực in                                           |      | Hộp      | 0,003 | 0,003 | 0,003 | 0,003 |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự*

| Mã hiệu     | Thành phần hao phí                             |     | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|-------------|------------------------------------------------|-----|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|             |                                                |     |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 11.01.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh-cấp bậc) |     |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|             | Biên tập viên                                  | 6/9 | Công   | 0,24                                                                    | 0,24                                                                      | 0,24             | 0,24             | 0,24     |

|  |                                |      |      |       |       |       |       |       |
|--|--------------------------------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|
|  | n hạng III                     |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công | 0,11  | 0,11  | 0,11  | 0,11  | 0,11  |
|  | Kỹ thuật viên                  | 7/12 | Công | 0,11  | 0,11  | 0,11  | 0,11  | 0,11  |
|  | Phát thanh viên hạng III       | 5/10 | Công | 0,08  | 0,08  | 0,08  | 0,08  | 0,08  |
|  | Phóng viên hạng III            | 3/9  | Công | 4,08  | 3,67  | 3,22  | 2,78  | 2,28  |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Hệ thống dựng                  |      | Giờ  | 4,00  | 1,60  | 1,20  | 0,80  | 0,30  |
|  | Hệ thống phòng thu dựng        |      | Giờ  | 1,22  | 0,56  | 0,56  | 0,56  | 0,56  |
|  | Máy ghi âm                     |      | Giờ  | 14,67 | 11,73 | 8,80  | 5,87  | 2,20  |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,01  | 0,003 | 0,003 | 0,003 | 0,003 |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 15,58 | 8,70  | 8,70  | 8,70  | 8,70  |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |       |       |       |       |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  | 0,01  |

### 13.11.02.00.00 Phóng sự chân dung

#### a) Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu và liên hệ với địa phương
- Viết đề cương
- Duyệt đề cương
- Tác nghiệp tại hiện trường
- Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- Viết lời bình, lời dẫn
- Duyệt lời bình, lời dẫn
- Trích âm thanh phỏng vấn
- Thu thanh phóng sự chân dung
- Dàn dựng phóng sự chân dung
- Duyệt phóng sự

- Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ

b) Định mức sản xuất phóng sự chân dung

b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự chân dung*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|--------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                  |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.11.02.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 8/9  | Công   | 0,09                                                                    | 0,09                                                                      | 0,09             | 0,09             | 0,09     |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9  | Công   | 0,12                                                                    | 0,12                                                                      | 0,12             | 0,12             | 0,12     |
|                | Kỹ thuật viên                                    | 7/12 | Công   | 0,06                                                                    | 0,06                                                                      | 0,06             | 0,06             | 0,06     |
|                | Phát thanh viên hạng III                         | 5/10 | Công   | 0,04                                                                    | 0,04                                                                      | 0,04             | 0,04             | 0,04     |
|                | Phóng viên hạng III                              | 3/9  | Công   | 2,15                                                                    | 1,90                                                                      | 1,66             | 1,42             | 1,12     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                          |      | Giờ    | 0,61                                                                    | 0,61                                                                      | 0,61             | 0,61             | 0,61     |
|                | Máy ghi âm                                       |      | Giờ    | 8,00                                                                    | 6,40                                                                      | 4,80             | 3,20             | 1,20     |
|                | Máy in                                           |      | Giờ    | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             | 0,01             | 0,01     |
|                | Máy tính                                         |      | Giờ    | 7,65                                                                    | 7,32                                                                      | 6,98             | 6,65             | 6,23     |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                   |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Giấy                                             | A4   | Ram    | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             | 0,01             | 0,01     |
|                | Mực in                                           |      | Hộp    | 0,002                                                                   | 0,002                                                                     | 0,002            | 0,002            | 0,002    |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự chân dung*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                             |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |                  |          |
|----------------|------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|----------|
|                |                                                |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% | Trên 50% đến 70% | Trên 70% |
| 13.11.02.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh-cấp bậc) |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 8/9  | Công   | 0,14                                                                    | 0,14                                                                      | 0,14             | 0,14             | 0,14     |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 6/9  | Công   | 0,19                                                                    | 0,19                                                                      | 0,19             | 0,19             | 0,19     |
|                | Kỹ thuật viên                                  | 7/12 | Công   | 0,11                                                                    | 0,11                                                                      | 0,11             | 0,11             | 0,11     |
|                | Phát thanh viên hạng III                       | 5/10 | Công   | 0,08                                                                    | 0,08                                                                      | 0,08             | 0,08             | 0,08     |
|                | Phóng viên hạng III                            | 3/9  | Công   | 3,63                                                                    | 3,26                                                                      | 2,88             | 2,51             | 2,04     |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                      |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                        |      | Giờ    | 1,22                                                                    | 1,22                                                                      | 1,22             | 1,22             | 1,22     |
|                | Máy ghi âm                                     |      | Giờ    | 12,00                                                                   | 9,60                                                                      | 7,20             | 4,80             | 1,80     |
|                | Máy in                                         |      | Giờ    | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             | 0,01             | 0,01     |
|                | Máy tính                                       |      | Giờ    | 14,22                                                                   | 13,62                                                                     | 13,02            | 12,42            | 11,67    |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                 |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |                  |          |
|                | Giấy                                           | A4   | Ram    | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             | 0,01             | 0,01     |
|                | Mực in                                         |      | Hộp    | 0,003                                                                   | 0,003                                                                     | 0,003            | 0,003            | 0,003    |

### 13.11.03.00.00 Phóng sự điều tra

#### a) Thành phần công việc

- Đề xuất ý tưởng
- Duyệt ý tưởng
- Thu thập thông tin, nghiên cứu tài liệu và liên hệ với địa phương, người phỏng vấn

- Viết kịch bản đề cương
  - Duyệt kịch bản đề cương
  - Thực hiện phóng sự (đi tác nghiệp thực tế, lấy ý kiến người dân, cơ quan chức năng, thu tiếng động hiện trường)
  - Nghe lại và rải băng phỏng vấn
  - Hoàn thiện kịch bản
  - Duyệt kịch bản
  - Trích âm thanh phỏng vấn
  - Thu thanh phóng sự
  - Dàn dựng phóng sự
  - Duyệt sản phẩm
  - Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất phóng sự điều tra
- b1) Thời lượng 05 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% |
| 13.11.03.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 0,42                                                                    | 0,42                                                                      | 0,42             |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,20                                                                    | 0,20                                                                      | 0,20             |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 7/12 | Công   | 0,05                                                                    | 0,05                                                                      | 0,05             |
|                | Phát thanh viên hạng                                  | 5/10 | Công   | 0,04                                                                    | 0,04                                                                      | 0,04             |
|                | Phóng viên hạng III                                   | 6/9  | Công   | 4,97                                                                    | 4,47                                                                      | 3,97             |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ    | 1,50                                                                    | 1,50                                                                      | 1,50             |
|                | Hệ thống                                              |      | Giờ    | 0,60                                                                    | 0,60                                                                      | 0,60             |

|  |                                |    |     |       |       |       |
|--|--------------------------------|----|-----|-------|-------|-------|
|  | phòng thu dựng                 |    |     |       |       |       |
|  | Máy ghi âm                     |    | Giờ | 16,00 | 12,80 | 9,60  |
|  | Máy in                         |    | Giờ | 0,02  | 0,02  | 0,02  |
|  | Máy tính                       |    | Giờ | 22,27 | 21,47 | 20,67 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |    |     |       |       |       |
|  | Giấy                           | A4 | Ram | 0,02  | 0,02  | 0,02  |
|  | Mực in                         |    | Hộp | 0,01  | 0,01  | 0,01  |

b2) Thời lượng 10 phút

*Đơn vị tính: 01 phóng sự*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                    |      | Đơn vị | Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại | Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại |                  |
|----------------|-------------------------------------------------------|------|--------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                |                                                       |      |        |                                                                         | Đến 30%                                                                   | Trên 30% đến 50% |
| 13.11.03.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh-cấp bậc)</b> |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 6/9  | Công   | 0,66                                                                    | 0,66                                                                      | 0,66             |
|                | Biên tập viên hạng III                                | 8/9  | Công   | 0,25                                                                    | 0,25                                                                      | 0,25             |
|                | Kỹ thuật viên                                         | 7/12 | Công   | 0,11                                                                    | 0,11                                                                      | 0,11             |
|                | Phát thanh viên hạng II                               | 5/10 | Công   | 0,08                                                                    | 0,08                                                                      | 0,08             |
|                | Phóng viên hạng III                                   | 6/9  | Công   | 7,42                                                                    | 6,67                                                                      | 5,92             |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                             |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |
|                | Hệ thống dựng                                         |      | Giờ    | 2,00                                                                    | 2,00                                                                      | 2,00             |
|                | Hệ thống phòng thu dựng                               |      | Giờ    | 1,22                                                                    | 1,22                                                                      | 1,22             |
|                | Máy ghi âm                                            |      | Giờ    | 24,00                                                                   | 19,20                                                                     | 14,40            |
|                | Máy in                                                |      | Giờ    | 0,02                                                                    | 0,02                                                                      | 0,02             |
|                | Máy tính                                              |      | Giờ    | 33,37                                                                   | 32,17                                                                     | 30,97            |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                        |      |        |                                                                         |                                                                           |                  |
|                | Giấy                                                  | A4   | Ram    | 0,03                                                                    | 0,03                                                                      | 0,03             |
|                | Mực in                                                |      | Hộp    | 0,01                                                                    | 0,01                                                                      | 0,01             |

**13.12.00.00.00 Chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh****a) Thành phần công việc**

- Thu thập thông tin và liên hệ các đơn vị liên quan
- Viết kịch bản đề cương tường thuật trực tiếp
- Duyệt kịch bản đề cương
- Triển khai kế hoạch thực hiện

- Thu thập tư liệu liên quan phục vụ cho buổi tường thuật trực tiếp
- Tìm và lựa chọn nhạc cho chương trình
- Hoàn thiện kịch bản thực hiện tại hiện trường
- Triển khai thiết bị tại hiện trường
- Thu thanh và tường thuật trực tiếp
- Thu dọn hiện trường

b) Định mức sản xuất chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh

b1) Thời lượng 90 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                             |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.12.00.00.01 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh-cấp bậc) |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 6/9  | Công   | 5,88            |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 8/9  | Công   | 0,25            |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 3/9  | Công   | 0,44            |
|                | Biên tập viên hạng III                         | 2/9  | Công   | 0,44            |
|                | Đạo diễn                                       | 8/9  | Công   | 0,44            |
|                | Đạo diễn                                       | 3/9  | Công   | 0,44            |
|                | Kỹ sư                                          | 6/9  | Công   | 1,06            |
|                | Kỹ thuật viên                                  | 8/12 | Công   | 9,38            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                      |      |        |                 |
|                | Máy in                                         |      | Giờ    | 0,33            |
|                | Xe phát thanh lưu động                         |      | Giờ    | 7,50            |
|                | Máy tính                                       |      | Giờ    | 33,00           |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                 |      |        |                 |
|                | Giấy                                           | A4   | Ram    | 0,40            |
|                | Mực in                                         |      | Hộp    | 0,13            |

b2) Thời lượng 120 phút

*Đơn vị tính: 01 chương trình*

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                               |     | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|--------------------------------------------------|-----|--------|-----------------|
| 13.12.00.00.02 | <b><u>Nhân công</u></b><br>(Chức danh - Cấp bậc) |     |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                           | 6/9 | Công   | 6,13            |

|  |                                |      |      |       |
|--|--------------------------------|------|------|-------|
|  | Biên tập viên hạng III         | 8/9  | Công | 0,38  |
|  | Biên tập viên hạng III         | 3/9  | Công | 0,50  |
|  | Biên tập viên hạng III         | 2/9  | Công | 0,50  |
|  | Đạo diễn                       | 8/9  | Công | 0,50  |
|  | Đạo diễn                       | 3/9  | Công | 0,50  |
|  | Kỹ sư                          | 6/9  | Công | 1,13  |
|  | Kỹ thuật viên                  | 8/12 | Công | 9,75  |
|  | <b><u>Máy sử dụng</u></b>      |      |      |       |
|  | Máy in                         |      | Giờ  | 0,44  |
|  | Xe phát thanh lưu động         |      | Giờ  | 8,00  |
|  | Máy tính                       |      | Giờ  | 43,00 |
|  | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b> |      |      |       |
|  | Giấy                           | A4   | Ram  | 0,53  |
|  | Mực in                         |      | Hộp  | 0,18  |

b3) Thời lượng 180 phút

Đơn vị tính: 01 chương trình

| Mã hiệu        | Thành phần hao phí                                      |      | Đơn vị | Trị số định mức |
|----------------|---------------------------------------------------------|------|--------|-----------------|
| 13.12.00.00.03 | <b><u>Nhân công</u></b><br><b>(Chức danh - Cấp bậc)</b> |      |        |                 |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 6/9  | Công   | 9,38            |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 8/9  | Công   | 0,50            |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 3/9  | Công   | 0,63            |
|                | Biên tập viên hạng III                                  | 2/9  | Công   | 0,63            |
|                | Đạo diễn                                                | 8/9  | Công   | 0,63            |
|                | Đạo diễn                                                | 3/9  | Công   | 0,50            |
|                | Kỹ sư                                                   | 6/9  | Công   | 0,63            |
|                | Kỹ thuật viên                                           | 8/12 | Công   | 7,50            |
|                | <b><u>Máy sử dụng</u></b>                               |      |        |                 |
|                | Máy in                                                  |      | Giờ    | 0,66            |
|                | Xe phát thanh lưu động                                  |      | Giờ    | 9,00            |
|                | Máy tính                                                |      | Giờ    | 53,00           |
|                | <b><u>Vật liệu sử dụng</u></b>                          |      |        |                 |
|                | Giấy                                                    | A4   | Ram    | 0,80            |
|                | Mực in                                                  |      | Hộp    | 0,26            |